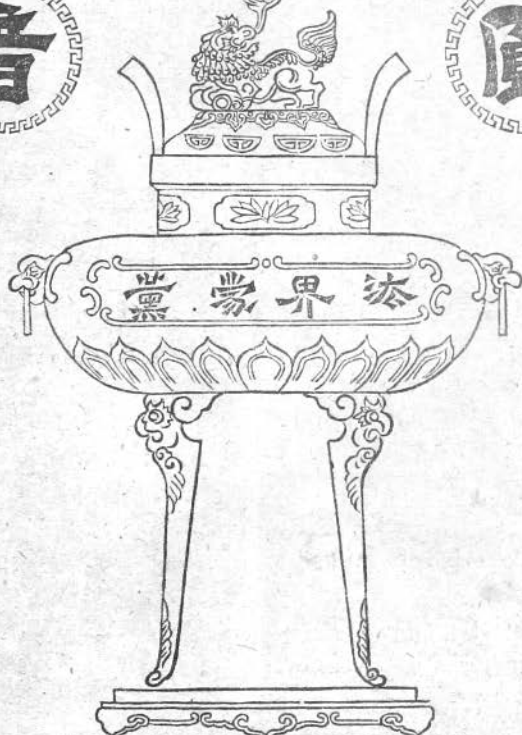


NĂM THỨ 2
Số 18

Tháng Novembre
và Décembre 1933

VIEN AM



不說之書

刊月會學佛

Nguyệt-San Phật-Học

Nam-mô Bồ-sư
Thích-Ca Mâu-Ni Phật

Tác Đại-Chứng-Minh

PHẬT-HỌC-HỘI CHỨNG-MINH ĐẠI-ĐẠO-SƯ

Điều-Đề tự Trừ-Tri : Giác-Tiên } Duyệt-y
Tứ-Ba tự Trừ-Tri : Giác-Nhiên }

Phật-Học-Hội Chánh-Hội-Trưởng duyệt-y

Ký tên thế : Lê-đình-Thám

MỤC LỤC

I. — QUYỀN ĐẦU-NGŨ

— Trách nơi khác sao bằng tự trách (Viên-âm) . . . 3

II. —

— Một bức thư dài xin hỏi báo Viên-âm (Thượng-sơn) . 6

III. — Ý-KIỆN PHỤ-NỮ ĐỐI VỚI PHẬT-HỌC

— Phật-giáo không mâu-thuẫn đối với cục-diện
ngày nay (Diệu-Phước) 12

— Tu để làm gì? (Diệu-Không) 16

— Ăn chay niệm Phật có ích lợi gì không? (Tâm-Văn) . 21

IV. — DIỄN-ĐÀN

— Tứ niệm xứ (Thích-chánh-Thống) 26

V. — KINH-HỌC

— Đại-ý Kinh-Tủ-Lăng-Nghiêm (tiếp theo) V. A. 40

— Kinh Tủ-lăng-Nghiêm (tiếp theo) V. A. . . . 42

VI. — LUẬN-HỌC

— Tứ-phần (Viên-Âm) 49

— Bát-thức-qui-cũ tụng (V. A.) 51

VII. — TIỂU-TÚC. 57



PHẬT-HỌC-HỘI NGUYỆT-SAN VIÊN - ÂM

Nội Phật Học ở Huế được nghị - định quan Toàn Quyền ngày 30 Juin 1933 cho phép xuất bản VIÊN-AM NGUYỆT-SAN.

Nội dung VIÊN - ÂM chỉ giảng giải đủ các lý thuyết đạo Phật ra chữ quốc ngữ và có khi phụ thêm một bài pháp văn.

Giá Nguyệt San	{	một năm	2\$00
		nửa năm	1. 10
		mỗi quyển . . .	0. 20

Hội Phật Học tặng hồng nguyệt-san này cho các ngài Hội-viên của Hội. Như hai ông bà đều có chừa Hội-viên thì chỉ tặng một quyển.

TÒA SOẠN: 5 Rue Champeau - Huế
Thư từ mandat mua nguyệt san xin gửi cho

M. LÊ-ĐÌNH-HÁM

Médecin L.dochinois du Cadre Latéral - HUẾ
Boite postale n° 73

PHỔ-CÁO

Các ngài vì đạo tâm muốn tán thành Bản San xin ghi tên vào tờ nguyệt san Bulletin d'abonnement, rồi gửi lại một lần với mandat đề Bản San gửi tiếp số sau cho khỏi trễ, và xin các ngài sẵn lòng giới-thiệu giúp.

Xin giữ talon mandat mua nguyệt san đề thể biên lai.

Những bài lai-cáo đăng được, Bản San giữ quyền nhuận sắc; bài đăng không được thì không trả bản thảo lại.

Bản San giữ bản quyền. Trích lục phải đề tên Viên-Âm.

Đăng quảng-cáo tính giá phải chăng, xin gửi thư thương lượng trước.

I.— QUYỀN ĐÀU NGŨ

Trách nơi khác sao bằng tự trách

Người đời gặp việc gì không may, thấy việc gì bất bình, thường hay than trách chỗ nầy chỗ khác.

Xem như trong truyện Kiều, khi Túy-Kiều bị Tú-Bà vui liễu dập hoa thì tác-giả vội than rằng :

Hóa-nhì thật có nở lòng.

Làm chi rầy tía, vò hông lăm nau !

Tác-giả trước cảnh-tượng một người yêu liễu thơ đào gặp kẻ dữ dày vô, động mỗi thương tâm, phát lời oán trách, oán trách chú con nít Tạo-hóa khéo khuây chơi những khách hồng-nhan.

Đó là Tác-giả thấy vật đổi sao dời, cuộc đời tráo trở mà chán nản, nên nghĩ rằng trong ấy nếu có Tạo-hóa chủ-trương thì Tạo-hóa kia ắt phải gặp đâu làm đó, không biết suy xét, không có lý nghĩa như mấy chú con nít.

Đời với một nhà thi-sĩ đương bắt ngọn bút miêu tả tâm sự của mình, khi cười reo với câu thơ, khi nhỏ máu nơi nét mực, đã không rời rành suy xét nghĩa lý, lại cũng không cần thiết suy xét nghĩa lý trong lúc ấy, thì thiệt không có điều gì đáng chỉ trích. Song thi-sĩ làm ra câu thơ phần nhiều chịu ảnh-hưởng của cái cảm-tình thông thương ở hoàn-cảnh mình; vậy chính cái cảm-tình thông thương

hay giận vợ trách bậy không chịu suy xét kia là một điều đáng chỉ trích.

Như trên đã nói, tác-giả truyện Kiều trách chú con nít Tào-hóa để Tú-Bà hành hạ Túy-Kiểu, song nếu suy xét lại cái nguyên-nhơn của sự đánh đập đó thì trước hết thấy rõ là do mụ Tú-Bà làm chủ-động.

Chủ-động là mụ Tú-Bà mà vì duyên cớ gì phát ra sự đánh đập ?

Phăng lần ra mà suy xét thì có bọn gia-đình, có Sở-Khanh, có Túy-Kiểu, lại có tác-giả nữa. Vì nếu không có gia-đình thì không ai đi bắt, không có Sở-Khanh thì không ai lừa gạt, không có Túy-Kiểu thì không ai bị gạt. Song Túy-Kiểu mà bị gạt là vì tác-giả tặng cho Túy-Kiểu cái tánh đa sầu đa cảm, trước lâu Ngưng-Bích thấy trăng buồn với trăng, thấy nước buồn với nước, không biết an phận mà chờ Kim-Trọng đến cứu, không biết thành thực mà lo tìm kẻ chuộc mình, không biết trịnh trọng mà xem xét thời thế, nên mới gây ra những sự thê thảm như vậy.

Đôi với thảm kịch vùi liễu dập hoa đó, xét ra thì cái tánh tình mà tác-giả đã tặng cho Túy-Kiểu là một nguyên-nhơn trọng yếu hơn hết.

Chúng ta ở đời gặp việc gì cũng vậy, chẳng nên vội trách nơi khác, chúng ta hãy suy nghiệm xét rõ cái nguyên-nhơn thì sẽ biết dấu sự gì vật gì nhỏ mọn đến đâu cũng đều có nguyên-nhơn của nó cả.

Trong khi soi xét nguyên-nhơn, chúng ta nên để thân tâm về địa vị khách quan, đem một cái trí rỗng không, không có thiên vị, không có thành-kiên mà soi xét thì chúng ta sẽ biết những việc xảy tới; phần nhiều đều vì mình tự tác tự thọ.

Hằng ngày soi xét như vậy thì đối với mình được dịp sửa đổi tâm tánh, đối với người khác lại có lượng khoan dung, đối với hoàn - cảnh thường có lòng kiên-nhẫn và đối với việc đời lại đủ trí-huệ phán-đoán chỗ hay chỗ dở, chỗ phải chỗ quấy.

Phạm gặp việc gì trách chỗ khác thì thường sanh lòng hờn giận căm tức, trách nơi mình thì thường được lợi ích tu tập đều hay, sửa bỏ đều dở; vậy trước khi trách chỗ khác, chúng ta hằng ngày nên suy xét nguyên-nhơn mà tự trách.

Viên-Âm



MỘT BỨC THƯ DÀI XIN HỎI

BẢO VIÊN - ÂM

Ước khi phong-trào Phật-giáo chấn-hưng, cả ba kỳ đều có Hội Phật-Học và nguyệt-san tạp-chí về đạo Phật lần lượt ra đời kể cũng đã được năm sáu thứ, thiệt là một đều đáng mừng cho Phật pháp tương-lai. Nhưng cũng có một đều đáng lo là vì Phật học cách mấy trăm năm trở lại đây như đã bị cái trào-lưu nho-học làm mai một dấu rồi; đến nay cái trào-lưu nho-học đã nhược bại, Phật giáo mới có cơ xuất hiện, thì, ôi thôi, tăng đồ đã lâu ngày thất học và tin đồ cũng gần ngơ không biết đâu là chánh-pháp, vì thế mà có nhiều tạp chí gụy là lấy tên truyền bá đạo Phật, mà tư-trang chứa đầy cả lý-thuyết xằng xiên. Đối với người có con mắt trách-pháp thì không hại, nhưng đối với sự tín-ngưỡng của số đông thì chẳng khác gì một con trùng độc ở trong máu người ta làm cho sức người ngày thêm kém sút. Bệnh tình ấy nguy cấp như thế, ai có phương thuốc gì điều-trị không ?

Theo ý ngụ tôi thì những nhà đã thông hiểu đạo-lý, đã nhiệt tâm với sự hoằng-pháp lợi sanh cũng nên chỉ trích những chỗ sai lầm để cho ai nấy biết chánh mà bỏ tà, biết quấy mà theo phải. Đó là một việc cần thiết lắm, vì muốn cho thân thể mạnh mẽ tất phải trị bệnh; nếu không phá trừ tà-thuyết thì khó bề xiềng-dương chánh-pháp được.

Bức thư dài này cốt xin hỏi báo Viên-Âm nhưng từ này đến giờ tôi chỉ nói những chuyện loanh quanh, nay tôi xin hỏi :

Thưa các ngài trong Tòa-soạn Viên Âm,

Số là thấy Viên-Âm giới thiệu Tiếng-Chuông-Sớm ở trang 58 số 12, nên tôi mới xem, đến nay đã được 17, 18 số rồi. Trong Tiếng-chuông-sớm tôi thấy nhiều chỗ không hợp với Pháp-pháp, mà trở lại hủy-báng Phật-pháp là khác nữa, mà sao các ngài trong Viên - Âm một mặt làm thỉnh

không đem ra phê-bình chỉ-trích? Có lẽ các ngài e mịch lòng Tiếng-chuông-sớm mà không nói đến chẳng? — Tôi tưởng sự cụ Bà-Đá là một nhà tu hành, lễ đầu vì tư-tâm mà không biết phục-thiện. Hay các ngài e người ta nói câu: « nời da sáo thịt » mà không nói đến chẳng? — Tôi tưởng đạo Phật là một đạo cao thượng, không thiên vị, không chia rẽ miễn ai lầm lạc thì mình khuyên bảo, miễn ai sai quấy thì mình chỉ trích, mục-dịch là đem họ về con đường chơn-chánh thì thôi việc gì phải ái ngại.

Như trong Tiếng-chuông-sớm số 2, trang 41, về mục tiêu thuyết Nam-Du-Ký có một đoạn như thế này :

« . . . Chợt đến Tây phương chư Phật, có Quan Thế-âm Bồ-tát dâng cái tòa xen tâu rằng: muốn tâu Ngọc-Đế, cái phép bàu này của thần. »

Xem đoạn này, những người có học Phật, ai cũng biết tác-giả Nam-du-ký và dịch-giả đều là người ngoại-đạo cả. Nếu là người đạo Phật thì dầu không biết quả Phật thế nào đi nữa, ít ra cũng biết đại-cương trong đạo Phật như « Phật là vô - thượng chánh-biến-giác, đã vượt ra ngoài các hạng lượng trong tam giới ». Còn Ngọc-đế tuy tôi chưa biết dịch-giả muốn nhận là ai, nhưng xem ở câu : « Ngọc-đế mới phán rằng : Trẫm từ theo phép dựng ngôi . . . » và ở câu : « cái phép bàu này của thần . . . » thì cũng đủ biết là vua một cõi nào đó rồi. Ngọc-đế đã làm vua trong một cõi, thì Ngọc-đế còn ở trong tam giới, lại ở trong một cõi thấp, vì chúng sanh trong cõi ấy còn tham, sân, si, còn lòng nhờn-ngã, còn tranh-danh trọc-lợi, nên mới cần có những cơ quan hành-chánh mà giữ cuộc trị an, chứ nếu ai ai cũng ở trong định không ưa danh lợi như cõi trời nhị-truyền, thì quyết không ai chịu làm vua, mà cũng không ai biết công việc một vị Đế-vương là thế nào nữa. (trong kinh cũng có chỗ nói đến vị thiên - vương của tứ-thuyền, song đó là lời suy tôn các vị đạo cao đức trọng trong cõi ấy, chứ không phải một vị hành-chánh).

Xem như vậy thì biết rằng Ngọc-Đế, một vị Đế-vương có hành-chánh, cao nhất chỉ ở sơ-thuyền mà thôi. Đối với các cõi trên đã không dám so sánh, huống nữa là đối với các vị nhị-thừa thành-nhơn và các vị Bồ-tát.

Nay dịch-giả đem một vị Đại-bồ-Tát như đức Quan-thế-Âm đến quỳ trước Ngọc-đế, dẫu cho Ngọc-đế là vua cõi sơ thủyên đi nữa cũng hết sức phỉ-lý.

Vậy dịch-giả đã đánh không biết Phật-pháp là chi lại là người hủy-báng Phật-pháp, làm cho tin-dở Phật-pháp giảm lòng cung-kính đối với một vị đại-giác đại-ngộ vì họ thấy ngài phải còn quỳ trước Ngọc-đế kia mà. Sau nữa dịch-giả lại mở một con đường cho các ngoại-đạo để họ tự hào rằng đạo họ cao hơn đạo Phật!

Có lẽ dịch-giả sẽ trả lời với tôi rằng: « Nam-du-ký là một câu chuyện thí dụ đặt ra để người ta xem cho vui. » chớ không cần thiết gì đến đạo-lý. — Tôi vẫn biết là « một câu chuyện thí dụ », nhưng thí dụ cốt để người ta « hiểu biết được mọi điều nghĩa lý » (lời tuyên cáo đầu bài của dịch - giả,) chớ không phải để làm cho người ta mờ ám.

Tôi nói đây là vị hàng thi u-học (mà hàng thiền-học bao giờ cũng chiếm một số đông cả), sợ họ nhận lầm, chớ đối với Phật, Bồ-Tát đã đánh không quan hệ, mà đối với người đã thông hiểu đạo Phật thì lời tôi nói đây cũng là lời nói dư, song thế nào dịch-giả cũng đã phạm một trọng tội, tội hủy báng chánh-pháp, nếu dịch-giả là người đạo Phật.

Nếu dịch-giả không phải là người đạo Phật đi nữa, thì tiểu thuyết Nam-du-ký trước khi đăng lên tạp-chí Tiếng-chuông sớm thế tất cũng phải trình lên Sư-cụ Đốc-văn-Hỹ là đại biểu cho Cồ-sơn-môn Bắc-kỳ chớ ! Dẫu cho Sư-cụ vì già yếu mà sơ ý đi nữa, thì sao thập phương thiện-tín không ai nói năng gì cả ! — Đã vậy mà Viên-âm không chỉ trích lại còn giới-thiệu, mỗi nghi ngờ của tôi vì đó mà tăng thêm bội phần !

Tôi trông mong các ngài trong tòa soạn Viên-âm giải quyết những chỗ nghi ngờ ấy.

Trong Tiếng-chuông sớm, số 19, trang 11, trong bài « Tại sao đừng giới - thiệu Niết-bàn tạp-chí », ông Nguyễn - đình - Chuẩn, hiệu Thanh-tâm có nói : « Đạo là chỗ ở chính giữa còn bốn phương là mỗi nhà tôn-giáo như Phật-giáo, Thiên-chúa-giáo, Bà-la-môn-giáo, Lão-giáo vân vân để dẫn người đi đến đạo. Suy nghĩ cho kỹ thì Phật-giáo Lão-giáo, Bà-la-môn-giáo, Thiên-chúa-giáo, hay Thông-thiên-học-giáo cũng đều là một mục đích như nhau ».

Ông Thanh-Tâm thì dụ như vậy đủ rõ ông chẳng biết thế nào là con đường giải-thoát, thế nào là ngoại-đạo cả.

Theo như tôi, thì tôi ví dụ tất cả chúng sanh ở trong tam-giới như kẻ bị nhốt trong một cái hầm, tối tăm lạnh lẽo, lắm dầu khổ sở. Các tôn-giáo ví như các lối ra khỏi hầm, nhưng trong ấy có lối chỉ đưa từ hầm này sang hầm khác, còn có lối thì đưa thẳng lên trên mặt đất, được thung dung tự-tại : cái thung dung tự-tại đó tức là đạo vậy. Đánh rằng lối nào cũng đem ra khỏi cái hầm hiện-thời, nhưng chỉ đem từ hầm này đến hầm khác thì sao cho bằng đi thẳng lên trên mặt đất. Bần phận của người chỉ đường cốt phải chỉ lối lên mặt đất, lẽ đâu lại nói cần rằng đi đường nào cũng được. Huống chi con đường đi lên mặt đất có nhiều chỗ ngỗ, nếu ai không đủ sức đi một lần đến tận nơi, thì cũng có thể nghỉ chân ít lúc rồi đi nữa, song đã đi về lối chọn chánh ấy thì càng đi càng thấy sáng suốt chứ không đến nỗi chịu mờ ám như trước ; nếu không biết đường chọn chánh mà đi thì lộn lộn quanh quanh trong các hầm biết bao giờ ra khỏi.

Vậy tôi xin khuyên ông Thanh-Tâm gắng học cho biết thế nào là ngoại-đạo, thế nào là chánh-pháp, chứ đừng nói lối đá vàng lộn lạo, làm cho độc-giả càng thêm lòng nghi hoặc.

Vào thời-đại mạt-pháp này, người học Phật thì ít, kẻ theo ma thì nhiều, mà Tiếng chuông sớm cứ dăng bài lai-cảo của ông Thanh-Tâm, không thêm lời phê-bình phải trái, phò mặc dư-luận khen chê, thì có khác nào đem người mù vào chỗ tối, rồi bảo họ tự kiếm lối mà ra. Các ngài trong bộ biên-tập Tiếng-chuông-sớm tưởng ai cũng có con mắt trạch-pháp như mình chẳng ? Thiết là một việc hành-dộng thiếu quan-sát.

Những việc như thế này tôi tưởng ai là người hữu tâm với chánh-pháp cũng không nên bỏ qua, huống nữa là những ngài trong Tòa-soạn Viên-Âm sao lại hững hờ đến thế ? Các ngài đã không chỉ-trích lại còn giới-thiệu nữa, thật là một điều khó hiểu, buộc tôi phải làm phiền các ngài mà hỏi đến hôm nay.

Cũng trong Tiếng chuông sớm số 17 trang 25 có bản đồ tứ thánh lục phạm, thật là một cảnh mê-ly làm cho kẻ xem vào càng thêm mờ ám. Trong bản đồ ấy thấy nói chúng sanh có 10 giống mà kể từ tam-đồ, tam-thiện, cho đến Thanh-Văn, Duyên-Giác và Phật, nghĩa là tứ thánh và lục phạm đối với Tiếng chuông sớm thì đều gọi là chúng sanh cả.

Hàng Thanh-Văn quả thứ ba đã gọi là Bất-lai, quả thứ tư thì gọi là vô-sanh, vị Bồ-Tát đến sơ-địa thì đã diệt phân biệt pháp-chấp, đến bát-địa thì đã diệt vô-sanh pháp-nhãn, toàn là những bậc đã chứng quả bất-sanh bất-diệt, mà Tiếng chuông sớm còn gọi là chúng sanh, thiệt chẳng biết Tiếng chuông sớm học kinh gì mà bịa đặt những chuyện kỳ quái như thế. Tuy vậy, các hàng Thanh-Văn, các vị Bồ-Tát từ thất-địa trở xuống, đối với Phật cũng còn có thể gọi là chúng sanh vì chưa dứt hết biến-dịch sanh-tử, đến như các vị Pháp-thân Bồ-Tát, các đức Phật mà Tiếng chuông sớm cũng gọi là chúng sanh, thiệt không thể hiểu Tiếng chuông sớm tu về đạo gì nữa cả.

Vả lại trong kinh tôi cũng thường thấy Phật nói Thập-nhị loại sanh, hoặc thập-chuồng loại sanh, trong ấy chỉ có các chúng sanh trong tam-giới chứ chưa hề kể cả các vị A-la-Hán và các vị Bồ-Tát đã siêu-việt ra ngoài tam-giới. Duy có khi nói về Thập-pháp-giới thì có nói từ Phật-pháp-giới đến Địa-ngục pháp-giới mà thôi.

Song đối với bản đồ kia, người học Phật cũng có một cách hiểu, là chính nơi tự-tâm của chúng sanh vẫn đủ mười pháp-giới, tùy theo chỗ tu tập, ai ai cũng có thể thành Phật, thành Bồ-tát cả. Hiểu như vậy thì không sai, nhưng cái bản đồ kia nào phải là bản đồ « Nhứt niệm tam-thiên », « Bách-giới thiên-như » đâu, mà bảo người ta hiểu như vậy cho được. Thiệt ra bản đồ đó chỉ làm cho người ta tưởng lầm rằng các vị Tam-thừa Thánh-nhơn cũng là chúng sanh, hoặc rằng dẫu tu đến các bậc ấy nữa cũng còn phải luân-hồi sanh tử như chúng sanh không khác. Nếu đọc-giải hiểu theo hai lối ấy thì còn ai tu theo đạo Phật làm gì, và Tiếng chuông sớm cũng chẳng cần phải xuất-bản mà truyền bá đạo Phật nữa.

Thưa các ngài trong Tòa-soạn Viên-Âm, ba đoạn tôi hỏi đây đều trích trong tạp-chí Tiếng Chuông sớm, lẽ đáng, tôi phải viết thẳng ra Tiếng-chuông-sớm mà hỏi mới phải nhưng mục-dịch của tôi không phải chỉ muốn phân biện chánh tà, mà lại muốn từ nay trở đi những nhà đã thông hiểu đạo lý, đã tinh tường Pháp-pháp cũng nên mở ra một mục phê-bình các sách vở nói về đạo Phật, trước là để cho những người học đạo khỏi lấy trái làm mặt, lấy vọng làm chơn, sau nữa để cho những nhà truyền đạo thấy chỗ khuyết-diểm của mình mà thêm lòng tinh-tấn tham-học.

Mục-dịch của tôi như vậy nên xin các ngài trong tòa-soạn Viên-Âm hiểu thấu mà trả lời cho và cũng trông mong các ngài trong bộ biên-tập Tiếng chuông sớm sẵn lòng mà dung thứ,

Nam-mô A-Di-Đà Phật

THƯỢNG-SƠN

L. T. S. — Chúng tôi tiếp được thư ông, biết chỗ khuyết-diểm trong công việc hoàng-dương Phật-pháp của chúng tôi và hết lòng sám-hối. Lời chỉ-trích của ông Thượng-Sơn rất đúng chánh-pháp, chúng tôi trông mong Tòa-soạn Tiếng-Chuông-sớm đề ý xem xét những bài lai-cáo để cho khỏi tội tùy-hĩ và khỏi phụ đạo-tâm của các độc-giả.

Chúng tôi lại trông mong ông Thượng-Sơn sẵn lòng hộ-pháp cho chúng tôi những bài phê-bình Viên-Âm và các Tạp-chí khác về đạo Phật để cho các nhà biên-tập thêm lòng cần-thận và các độc-giả khỏi sự nghi-hoặc; đối với các nhà biên-tập và các độc-giả sự phê-bình ấy rất có lợi ích, còn đức thiết vô biên vô lượng.

Nam-mô Hộ-pháp Bồ-tát Ma-Ha-Tát

Ý-KIỆN PHỤ-NỮ ĐỐI VỚI PHẬT-HỌC

I. — Phật - giáo không mâu - thuẫn đối với cuộc-diện ngày nay

ĐÃI trước, tôi có nói với chị em, chỉ có Phật-giáo là đáng cho chị em theo để thay thế cái luân-ly của Khổng-Mạnh mà tiến vào đường đức-dục. Theo cuộc-diện xã-hội ngày nay, Phật-giáo thật là hợp thời thích-nghĩ hơn hết các tôn-giáo. Trong bài ấy, lời chót, tôi dám đại-ngôn lên rằng: «Dầu cho trình-độ của chị em tiến-hóa đến bậc nào, Phật-giáo cũng dung-hòa được luôn».

Vậy bài này tôi xin tỏ chỗ hợp thời, thích nghi, tỏ chỗ dung-hòa của Phật-giáo đối với cuộc-diện xã-hội ngày nay cho chị em rõ.

Chị em vận-động giải-phóng để chung vai gánh vác việc xã-hội với bọn thanh-niên nam-tử. Chị em là phận nhược chất liễu bõ, thân hình đã mảnh mai yếu đuối, lại thêm tinh-thần chưa được hùng-dũng; như thế, một mai chị em có gặp một hai cái hoàn-cảnh gì khổ bức, thì chị em bốn đồ nhĩ phể ngay.

Phật-pháp có đủ phương-châm giúp sức cho chị em tăng thêm phần tinh-thần một cách mãnh liệt; dầu gặp hoàn-cảnh khó khăn khổ sở thế nào, chị em cũng có thể đâm đương, tinh-lần dũng-mãnh được (progresser avec force). Chị em hấp-thọ được Phật-pháp, dầu ở gia-đình, dầu ở xã-hội, chị em đều có đủ tài đức để đeo đuổi theo mục-dịch, chí-hướng của chị em.

Phần nhiều chị em chưa thông hiểu Phật-pháp, hay cho Phật-giáo là nhu nhược, yếm-thế, tư lợi. Cũng có người dám đại ngôn rằng: «Phật-giáo làm cho nhơn-tâm lãnh-đạm, bạc-nhuộc đối với quốc-gia xã-hội». Xét lại

câu nói ấy là phần nhiều họ thấy tín đồ Phật giáo tu hành, ưa ẩn nơi khuất-tịch, lánh đời lia tục, lên non ngồi kẹt đá, phủ việc xã-hội quốc-gia mặc ai lo liệu. Hoặc có kẻ xuất-gia ở chốn phiên-hoa đỏ hội, mà cũng không thiết gì đến nhơn-sanh xã-hội. Sở dĩ có những lối tu yếm-thế như vậy, là vì nhiều kẻ tu hành chỉ mong mau mau chứng quả, được sự lợi ích riêng phần mình về đường tu tập, mà không hiểu thấu công hạnh của đại-thừa Phật-giáo.

Nên biết rằng: «Dầu về pháp thế-gian hay xuất-thế-gian cũng không ai cầu lánh đời lia tục bao giờ. Nếu lánh đời lia tục thì mâu-thuân với giáo-pháp nhà Phật không cùng, vì Phật-giáo xuất-hiện là do lòng từ-bi bác-ái, cứu-thế độ dân của chư Phật Như-lai. Tám vạn trần lao khổ ách của chúng sanh Phật ngài quyết độ tận, nên ngài thề rằng: « Nếu còn một chúng sanh nào còn trầm-luân, thì ta chưa thành Phật vội. » To tát thay! câu thệ ấy; hùng-dũng thay! câu thệ ấy; thật là một mảnh gương hy-sanh, cứu-thế độc nhứt vô nhị. Phật là bậc đại-từ-Phụ, cứu khổ cứu nạn cho chúng sanh 49 năm trường, không từng lia xã-hội, mở giáo-pháp ban bố cho chúng sanh, cảm-hóa cho chúng sanh được tự-cường tự-lập, có đủ tinh-thần hùng-dũng để đối-phó với chi - phối các hoàn-cảnh và tự-tại giải-thoát.

Kẻ hành-giả nào nhu nhược thì khó bề tu học Phật-pháp lắm. Trải sáu năm trường dưới non Tuyết-lãnh, đức Phật ngài phá tám vạn trần giặc trần lao mới kết-quả được đạo vô-thượng Bồ-Đề. Nếu là một người bạc-nhuợc, tinh-thần kém sút, thì làm sao vượt ngoài tam giới lục đạo, đứng đầu cả mười cõi được. Bởi vậy cho nên bốn chữ « Đại-hùng; đại-lực » để tặng cho ngài không phải là quá đáng vậy.

Kẻ hành-giả tu theo lối yếm-thế lại nói rằng: « Vậy chớ đức Phật-Đà trước kia, nếu không lánh đời, lia tục,

dưới non Tuyết-lãnh sáu năm trường thì có đâu được thành bậc chánh-giác ư ?

Ồi ! chỉ biết so sánh chứ không biết chỗ thiệt hơn. Sở dĩ đức Phật ngài lia hoàng-cung là do có hai nguyên-nhơn như dưới đây :

Thứ nhất là ngài quyết làm một mảnh gương hy-sanh về sự sang trọng, giàu có sung sướng, cho đến ngôi báu, ngài cũng không màng.

Thứ nhì là ngài muốn cho người đời biết rằng những lối khổ-hạnh như kia không phải là đường tu chơn-chánh, và người tu hành cần phải tức nơi tục mà ly chấp mới thành đạo được ; xem truyện ngài thì biết ngài nào phải dạy người tu khổ-hạnh.

Vả lại chánh pháp của ngài để lại, nào có bảo kẻ hành-giả phải lánh đời lia tục mớiặng đạo bao giờ. Phật-giáo là một giáo pháp cứu khổ cho đời, nếu lia đời lánh tục thì làm sao cứu đời độ thế.

Người học Phật trong lúc học đạo phải biết rõ những việc đáng làm về thế-gian hay xuất-thế-gian. Về thế-gian thì đối với xã-hội, chức nghiệp của mình phải giữ cho tinh-lẫn : Kẻ nông-phu phải lo cho tròn bổn-phận nghề nông ; người làm thợ, phải lo cho trọn vẹn nghề thợ ; nhà thương-mả phải tận tâm với nghề nghiệp của mình ; nhà làm chánh-trị phải hết lòng làm việc công-ích cho xã-hội ; kẻ làm quan phải thương dân như con đẻ.

Về xuất-thế-gian, người học Phật phải chính nơi bình thường nhứt dụng trong chức nghiệp mình, diệt trừ những thói tham, sân, si dứt sạch những lòng ngã-kiến pháp-kiến thì mới gọi là tu tập theo chánh pháp.

Hưởng chi chơn-đế và tục-đế không thể rời nhau, pháp-thế-gian và xuất-thế-gian cũng đồng một thể, chẳng phải ngoài những pháp thế-gian mà có những pháp xuất-thế-gian được.

Một người vẫn ăn vẫn mặc, vẫn ở, những món cần dùng cho nhơn-sanh đều hưởng thọ đủ mà không chịu nhọc nhằn

siêng năng làm theo chức nghiệp mình, thì thực là một con ký-sanh-trùng của xã-hội. Những loài sâu mọt của xã-hội như vậy làm người còn không xứng hưởng nữa là thành Phật. Lại nữa, những người học Phật muốn cho chơn-tâm thanh tịnh, tự-tánh viên-minh cũng chẳng cần phải tránh đời, trốn nơi rừng sâu hang thẳm. Nếu họ thiết hiệu Phật-lý, biết phương pháp đối phó với lục-trần thì lục-căn lúc nào cũng thanh tịnh. Trái lại, nếu không biết đường tu thì dầu ẩn núp chỗ thanh vắng mà cái vọng niệm chúng sanh vô-thĩ đến nay, bặt giống tạp nhiễm như biển cả mênh mông muôn trùng sóng dậy, thiên hình vạn trạng, lớp huân-trưởng lớp huân sanh, biết bao giờ cho được thanh-tịnh.

Kính Kim-cang có câu : « Như thấy các tướng là phi tướng thì thấy Như-Lai ». Vậy người tu hành cốt chính nơi các tướng mà nhận cái phi tướng, chớ cần gì phải lánh đời lìa tục.

Được như vậy thì mới có thể tức nơi hữu mà không, tức nơi tục mà chơn, nương theo trung đạo diệu-đế mặc dầu bơi thuyền từ, khêu đuốc tuệ, cứu khổ cứu nạn, mặc dầu giảng kinh thuyết pháp, dìu dắt chúng sanh lên bờ giải-thoát.

Đến lúc này thì dầu chỉ lấy sự lợi sanh hoằng-pháp làm chức nghiệp, không giữ một chức nghiệp thông thường ở thế-gian mà lợi ích cho xã-hội hơn-quân kẻ sao cho xiết, còn ai dám khinh lờn, còn ai lại chẳng qui đầu bái phục.

Vậy mới biết Phật-pháp rất cao-thượng và đủ làm cho mọi người được trí-huệ sáng suốt, tinh-thần hùng dũng, lại đủ làm cho xã-hội được văn-minh thái-bình đến cực điểm.

Chị em xem qua bài này đã nhận rằng Phật-giáo hấp thời thích nghi với hoàn-cảnh, xã-hội ngày nay chưa? Nếu hấp thì chị em hãy tiến lên và qui đầu theo Phật giáo. Nếu có vài chị em nào hãy còn ngần ngại, tôi xin hứa rằng: Khi nào tôi có dịp sẽ viết bài: « Phật-giáo với chủ-nghĩa xã-hội » cho được rõ hơn bài này, để chữa bệnh ngờ vực cho các chị em chưa thông hiểu Phật-pháp.

Ưu-Bà-Di: ĐIỀU-PHƯỚC

II.— TU ĐỀ LÀM GÌ ?

TRONG thế-gian, trừ một phái đệ-tử đã hiểu đòi chút Phật-pháp, lắm người nghe nói đến sự tu hành thì đã hỏi: « Tu đề làm gì ? » Câu « tu đề làm gì ? » đã thành vấn-đề, thì cần phải giải-quyết. Vậy nay tôi xin giải quyết cái vấn-đề ấy.

Nghĩa chữ tu là sửa soạn, trau dồi cho hơn khi trước. Vậy bất luận việc gì, giống gì, hề có sửa soạn trau dồi cho tốt hơn khi trước thì đều gọi là tu cả.

Nghĩa chữ tu như vậy cho nên trừ ra những loài cây đá vô tri vô giác, các loài có tri-giác, biết tốt biết xấu, biết hay biết dở, biết phải biết trái vân vân thời dầu nhiều dầu ít cũng đều có tu cả.

Lối tu vẫn nhiều, song đối với hiệu-quả có thể chia ra làm hai phần là: Lối tu những sự vật vô thường và lối tu cái thể thường còn chẳng mất. Về lối tu vô-thường lại có thể chia ra làm hai bộ phận là tu về hình-thức và tu về linh-thần.

I.) Tu về hình-thức. — Người ta sanh ra ở giữa đời ai cũng nhận cái thân-thể là mình, thân-thể sống thì mình sống, thân-thể chết thì mình chết, nên ai ai cũng hết sức sửa soạn, trau dồi cái thân-thể, nào là che nắng che mưa, kiên sương cử gió, dè cho thân-thể khỏi đau ốm, ăn no mặt tẻ, tập thể-thao uống thuốc bổ, sơn phấn cạo gọt để cho thân-thể được mạnh mẽ và lối đẹp. Lại còn sợ thân-thể thiếu những vật nhu-dụng phải tu bỏ nhà cửa, tu bỏ ruộng vườn, khoách-trương gia-nghiệp, thu góp tiền bạc để phòng khi thiếu sót. Lối tu về hình-thức ấy, vẫn không phải không có hiệu-quả nhưng xét ra cho kỹ, cái hiệu-quả kia chỉ nhóm góp

trong một thân-thể, thân-thể còn thì hiệu-quả còn mà thân-thể mất thì hiệu-quả phải mất. Mà cái thân-thể của chúng ta là vật vô-thường thay đổi, trẻ rồi lớn, lớn rồi già, già rồi chết, đến khi thân-thể chết rồi thì cái tốt đẹp, cái mạnh mẽ cũng không còn mà những tài-sản cũng không thể thụ-dụng được chút nào nữa cả.

2) *Tu về tinh-thần.* — Có người không kể đến hình-thức, chỉ tu cho học-vấn rộng rãi, trí-thức mở mang, làm thơ làm bài, làm luận làm sách, phát minh ra lý-thuyết này, học-thuyết nọ. Nhưng xét ra cho kỹ thì tất cả lý-thuyết học-thuyết trên lịch-sử xưa nay chẳng có món nào được trường-tồn, khỏi theo thời-gian mà thay đổi.

Vậy thì biết hai lối tu trên kia là vô thường, không có hiệu quả trường tồn chắc chắn, đối với những người nghĩ cạn thấy gần chỉ biết việc trước mắt thì chẳng nói làm chi, chớ đối với những kẻ nghĩ chín thấy xa, lẽ đâu cả đời chỉ sửa soạn trau dồi những vật-chất vô-thường làm cho về sau không có chút gì đáng gọi là hiệu-quả chắc chắn.

Tu theo thể thường còn không mất

Muốn được hiệu-quả chắc-chắn thì ngoài ra khi tu một cái gì thường còn chẳng mất, quyết không bao giờ có hiệu-quả ấy. Cái thường còn chẳng mất kia tức là cái thường-trụ chơn-tâm đó vậy.

Chúng ta thử nghĩ thân chúng ta mỗi ngày mỗi thay đổi, tên chúng ta khi nhỏ khác khi lớn, học-thức của chúng ta khi chưa học khác khi đã học, cảm-tình chúng ta lúc già cả khác hơn lúc thơ ấu, khi yếu khi mạnh, khi đại khi khôn, khi dốt nát khi hay chữ, khi nông nằng khi lạc lõng, chính trong một đời chúng ta mà từ thân-thể cho đến trí-thức đã biến đổi ra thiên hình vạn trạng không thể kể xiết, mà lạ thiệt, chính nơi thay đổi ấy mà ta vẫn là ta, nhỏ cũng ta, lớn cũng ta, đại cũng ta, khôn cũng ta, vẫn y nhiên có một mình ta không thay không đổi. Cái ta không thay đổi đó không phải ông Mít ông Xoài, không phải thân-thể, không phải trí-thức, mà xét ra nó cũng không phải tuyệt nhiên không có ; lúc nhỏ chính kim ta

biết đau, khi lớn ta chích kim cũng biết đau, lúc nhỏ nhắm mắt ta thấy tối, lúc lớn nhắm mắt ta cũng thấy tối, cái ta ấy như một cục thủy-tinh chen với mấy cục nước đá, dầu nước đá tiêu tan đến đâu, mà cục thủy-tinh vẫn còn nguyên hiện.

Cái ta ấy tức là cái thường-trụ chơn-tâm, nó đã làm cho có thân có cảnh trong nhiều đời nhiều kiếp, mà thiệt ra nó vẫn thường còn không thay không đổi, không sống không chết.

Chơn-tâm chúng ta đã thường còn không thay không đổi, không sống không chết thì lẽ ra không cần gì phải tu, ngặt vì chúng ta từ vô-thỉ đến giờ quen thói chấp trước, nhận lầm cái thân là mình, cái ý-thức nơi thân là tâm mình nên mới có luân-hối sanh tử và các sự khổ-não.

Nay chúng ta muốn nhận được thường-trụ chơn-tâm tất nhiên phải trừ tất cả các mối mê lầm. Ví như điện-khi trùm khắp cả vũ-trụ, không thêm không bớt, không sanh không diệt, vì nhưn-quả nơi nhà máy thấu góp về một chỗ, phát sinh ra luồng điện mà không tự biết, trở nhận cái giây điện, cái đèn điện là mình, sanh ra có âm có dương, có yếu có mạnh, khi sáng khi tối, khi mới tốt, khi hư hỏng, tâm chúng ta cũng vậy, tâm chúng ta vì mê không nhận được tự-thể rộng lớn sáng suốt nên mới phát sanh ra những cảnh-giới vô-thường thay đổi.

Song tuy đèn tắt, giây đứt, nhà máy hư mà điện-khi không bao giờ hết, tâm chúng ta cũng vậy, dầu vật đổi sao dời, thế-giới tan rã mà tâm vẫn là tâm, không bao giờ tiêu-diệt.

Thề thường còn chẳng mất chúng ta vẫn có sẵn, nhưng chúng ta hiện nay phải tu hành là tu để dứt trừ các thói mê lầm, nhận giả làm chơn đó thôi.

Trừ được một phần mê lầm thì giác-ngộ được một phần, trừ được hai phần mê lầm thì giác-ngộ được hai phần, đến khi thiệt hết mê lầm thì liền nhận được bản-thể của tự-tâm yên lặng sáng suốt rộng lớn thường còn, không mắc vào trong hạn-lượng của nghiệp mình, trong hạn lượng của thời-gian, của không-gian, tự-tại hiện ra thân, tự-tại hiện ra

cảnh, không vì hoàn-cảnh mà lay động, không vì thân-thể mà sống chết nữa. Chừng đó chúng ta sẽ sống một cái sống hoàn-toàn sáng suốt, không có khổ-não, không có sống chết, không có riêng tư, một cái sống rộng lớn công đồng-đề dắt dìu chúng sanh lên đường giải-thoát không còn gì ngăn ngại được cả.

Tu như vậy mới đáng gọi là tu vì có thể được hiệu-quả hoàn toàn vững chắc. Vậy tu cốt yếu:

- 1) Đề sửa sang tâm-tri, bỏ tất cả những thói mê lầm.
- 2) Đề sống một cái sống hoàn toàn sáng suốt.
- 3) Đề mở rộng lòng từ bi, đề cứu độ chúng sanh thoát nơi bể khổ.

Tu đã được phần lợi ích cho mình lại được phần lợi ích cho kẻ khác, nên tôi xin nhắc cùng quý vị độc-giả ai là người ưu thời mẫn-thế, ai là người bác-học đa văn gắng công tham học Phật-pháp và tu hành theo Phật-pháp.

Đối với những kẻ chưa tin, nghĩ rằng: Thời-đại này không phải thời-đại nói việc tu hành như xưa, vì lý-thuyết không thể tranh đấu với mũi tên viên đạn. Văn biết như vậy, song chúng ta hiện nay sở dĩ lẫn lóc trong biển khổ là vì quá chấp cái thân vô-thường, cái cảnh giả dối, quá theo tánh tham-dục nên mới đeo đuổi theo mỗi danh lợi mà lẫn lóc trên trường tranh đấu, chém giết lẫn nhau, khổ sở kẻ sao cho xiết. Các món binh khí kia chỉ có thể sát hại, thêm nỗi thống-khổ cho loài người chớ chưa hề làm cho loài người được vui sướng chút nào cả.

Vậy muốn cho loài người được phần vui sướng, tất nhiên phải đem Phật-pháp mà đánh dẹp những ma tham, sân, si giữa thế-giới này mới có thể đào-tạo cái lạc-thú thanh tịnh an lành cho Nhơn loại.

Có người lại nghĩ rằng: Nếu mình tu mà người ta không tu mình phải chịu phần thua sút trên trường

tranh đấu. Nghĩ như vậy là lầm, phạm ở giữa đời gặp việc gì không may là vì tâm tàn ác gây nên cả. Tàn ác với đạo đức trái hẳn với nhau, tàn ác thêm thì đạo đức bớt, đạo đức thêm thì tàn ác cũng bớt, nếu có người thiết-hành đạo đức thì cái mầm đạo đức ấy sẽ đâm chồi mọc nhánh, lan khắp lần lần cho đến muôn người tiệu người, khắp cả thế-giới, thì những lối tàn ác kia thế nào còn móng lên được nữa.

Huống chi thua với kém là do sự so sánh của lòng tham-dục, nếu dứt sạch lòng tham-dục rồi thì tâm mình đã được cái vui riêng về đạo đức hơn cả các sự vui khác, còn nghĩ chi đến lối thua kém về vật-chất.

Lại nữa, hề có nhơn thì có quả, tôi chưa hề thấy người đạo đức mắc sự cực khổ, huống nữa là một nước, một thế-giới.

Hiện nay nhơn-loại trong thế-giới này đương đi vào một con đường rất nguy hiểm, phần nhiều theo cái tà-thuyết « sanh-tồn cạnh-tranh » mà giết hại lẫn nhau, nếu không đem chánh-pháp của Phật mà truyền-bá, thì cái mầm chiến-tranh biết bao giờ dứt hết và sự tồn-hại cho nhơn-loại về sau, sau xa này không thể kể xiết.

Vừa viết đến đây tôi sực nhớ đến những cuộc chiến-tranh hiện-thời, mừng tượng cái cảnh thấy nằm chết đất, máu chảy thành sông mà thương xót cho nhơn-loại, nên có bài thơ như sau này :

Lòng người hiểm độc lắm ai ơi,

Máu chảy xươg chồg khắp mọi nơi.

Khoa-học điềm lỏ trườg chiến đấu,

Chon-tám vui dập nẻ luán-hồi.

Phải đem Phật-pháp xoay trời lại,

Chớ để ma-quán khuấy nước chơi.

Dầu ít dầu nhiều ta hãy gắng,

Hồi ai Thích-lữ kẻ thương đời.

III.— ĂN CHAY NIỆM PHẬT CÓ LỢI ÍCH GÌ KHÔNG ?

ĐẦU nay phần nhiều chị em đã hiểu đôi chút Phật pháp và đã qui-nguỡng theo Phật, nhưng lắm người lại chỉ theo phần lý-thuyết mà bỏ phần sự-tướng và thường nói rằng : theo Phật là bỏ ác làm lành chớ không cần phải ăn chay niệm Phật.

Câu nói ấy có hại cho đường tu tập nên tôi xin phương-tiện giải bày như sau đây :

I) Lợi ích của sự ăn chay

Sự ăn chay rất có lợi ích cho cá-nhơn, cho gia-đình và cho xã-hội.

1.) Về phần cá-nhơn thì sự ăn chay làm cho được lợi ích về phần đạo-tâm, về phần tiết-kiệm và về phần vệ-sanh.

Sao lại lợi ích về phần đạo-tâm : Loài người ít có đạo đức là vì hay làm những việc độc-ác, mà trong các sự độc ác thì có chi bằng sự sát hại các sanh-mạng. Lại nữa, người ăn chay tánh hay điềm-tĩnh ít nóng nảy, ít tham dục nên dễ tu tập ; và trong các ngày trai người ăn chay thường nhớ đến Phật và bớt làm việc độc ác. Xem đó thì biết sự ăn chay rất có lợi ích về phần đạo-tâm.

Sao lại lợi ích về phần tiết-kiệm. — Những món thịt món cá là món ăn mất tiền lại có mùi tanh tao cần có nhiều đồ gia-vị như hành, tỏi, rượu v.v. mới át mùi ấy được. Người ăn chay không dùng những món thịt cá ấy nên được lợi ích về phần tiết-kiệm.

Sao lại hợp với vệ-sanh. — Ăn chay mới nói là hợp với vệ-sanh e có nhiều người công-kích. Nhưng xin chị em bình tâm mà xét : các con thú ăn dơ ở bẩn thường có bệnh hoạn lại thịt với cá để cách ngày, nhất là trong xứ nóng thường

hay ươn thúi; nếu lăm ăn phải thì chắc sanh bệnh hoạn, hại cho vệ-sanh nhiều lăm. Lại những món đồ chay dầu dề lại dôi ba ngày cũng không hại gì, chớ không phải như thịt cá, dề dôi ba ngày thì ươn thúi, sanh nhiều chất độc; Những món thịt cá, ăn vào trong bụng, chỉ cho khỏi sanh ra chất độc lăm hại cho thân-thể. Vậy ăn chay thiệt có lợi ích về vệ-sanh lăm.

Song có người bác rằng: « các món đồ chay không đủ sức nuôi sống cho loài người ». Nói như vậy là không đúng, vì hiện nay các nhà hóa-học đã phân chất rõ ràng, biết trong các thứ đậu có nhiều chất đạm-khí, không khác gì thịt cá. Xem như hiện-trạng dân nhà quê ở mấy tỉnh miền bắc Trung-kỳ, suốt đời họ chỉ ăn cơm với hoa quả tương rau mà họ vẫn mạnh-mẽ cày cấy xốc vác như ai, thì đủ biết thịt cá không cần thiết gì cho sự sống của loài người cả.

Đối với người còn thơ-ấu lại có thể uống sữa, ăn trứng thêm nữa; trứng và sữa là vật dễ tiêu và rất bổ, dầu thịt cá cũng không bị dặng (món trứng, trong xứ ta thường không nhận là món chay, song ở Tây-Tạng, Tân-Cương, món trứng thuộc về đồ chay, vì gà không trứng cũng có thể đẻ trứng được).

Vậy mới biết sự ăn chay đối vệ-sanh chỉ có lợi mà không hại.

2.) Về phần gia đình thì người ăn chay đã không xa xỉ và trong nhà ít giết loài sanh-vật thì ảnh-hưởng đến con cái không phải là ít.

Trong một gia-đình, con nít ít thấy cái cồ nhồ lông, ít thấy những sự giết hại tàn nhẫn, thì đối với các loài vật chúng nó cũng ít dâm phá hại đánh đập; đến lúc lớn lên, chúng nó tập lòng nhân-tử đã thành tánh, thì đối với các loài vật, chúng nó còn không muốn giết hại thay, huống nữa là đối với loài người! Nhon nào quả ấy, quyết chẳng sai lăm, nếu chị em biết đem hột giống nhon - từ gieo vào trong tâm-trí ngây thơ của em út con cái, thì về sau chúng nó chắc tránh được lăm đều tai hại, mà chị em đã cho chúng nó một thứ gia-bửu quý báu vô ngần, đời đời kiếp kiếp không bao giờ mất đi đâu được.

3) Về phần xã-hội thì một gia-đình biết ăn chay là một gia-đình có từ-tâm, mười gia-đình biết ăn chay thì mười gia-đình có từ-tâm, những sự phước thiện đối với xã-hội còn việc gì họ lại không làm, lợi ích cho xã-hội về sau hông phải là ít vậy.

B) Lợi ích của sự niệm Phật

Niệm Phật là gì? Tức là niệm cái tánh toàn thiện của chúng ta vậy. Tâm-tánh của chúng ta niệm niệm nổi luôn như giòng nước chảy, nếu ta không niệm Phật, thì tất nhiên lại niệm ma, mà đã niệm ma thì khó bề tránh khỏi những sự hành-vi sai lầm độc ác.

Vậy muốn bớt các niệm ma, chúng ta quyết định cần phải niệm Phật.

Tâm-tánh của chúng ta thường ngày tán loạn si mê, sanh ra lắm điều khổ-não, nhứt là trong những lúc tức giận phiền rầu thì lại càng khổ hơn nữa. Nếu cứ ôm những mối tức giận phiền rầu, không biết tìm mối gỡ ra cho khỏi, thì khác nào những kẻ lạc vào hang thẳm mà chỉ biết kêu khóc, không gắng tìm đường ra khỏi vậy.

Niệm Phật chánh là phương thuốc hay để trị các bệnh khổ-não, chánh là con đường giải-thoát đem tâm-trí ta ra ngoài các hang thẳm tối tăm, dầu gặp cảnh-ngộ gì, hễ có niệm Phật thì tâm-trí đều được yên ổn cả.

Người biết niệm Phật thì tự mình làm chủ lấy mình, gặp sự tức giận buồn rầu đến đâu cũng vẫn tỉnh táo mà đôi phở, chứ không đến nỗi tối tăm như người khác vậy.

Về phần gia-đình xã-hội, người niệm Phật, dầu gặp cha mẹ hoặc chồng con nóng nảy đến đâu, cũng vẫn biết lấy tâm hòa-nhã mà đối phó; tâm hòa-nhã ấy chính là một phương thuốc hay để trừ bệnh nóng nảy của người khác vậy. Người niệm Phật gặp việc vui mừng cũng không quá độ, gặp việc rủi ro cũng vẫn bình-lĩnh, trong gia-đình được một người như vậy, thì dù gặp cảnh-ngộ nào cũng không đến nỗi sanh ra những sự tai hại to lớn. Người niệm Phật tại sáng lòng làm việc từ-thiện, thương người nghèo, giúp kẻ khó, chẳng những đối với gia-đình mà đối với xã-hội cũng có thể làm nhiều việc lợi ích ích.

Sự ăn chay niệm Phật có lợi ích như vậy, thiết tưởng chị em ai ai cũng nên gắng mà thiết-hành cả; sau đây tôi xin chỉ bày sơ lược cách ăn chay và phép niệm Phật để cho các chị em mới phát tâm theo đó mà hành-trì.

1.) Cách ăn chay

Tùy theo chỗ phát tâm, ai ai cũng nên ăn chay ít nhiều ngày, từ nhị-trai cho đến trường-trai.

Nhị-trai là ăn chay ngày mồng 1, ngày rằm và các ngày vía lớn, như: mồng 1 tháng giêng, mồng 8 tháng 2, rằm tháng 2, mồng 8 tháng tư, 17 tháng 11 và mồng 8 tháng chạp.

Tứ-trai là mỗi tháng ăn 4 ngày: 1, 14, 15, 30, (Nếu tháng thiếu thì ăn chay ngày 29) và trong các ngày vía lớn như trên.

Lục-trai là mỗi tháng ăn chay sáu ngày: 1, 8, 14, 15, 18, 30.

Thập-trai là mỗi tháng ăn chay mười ngày: 1, 8, 14, 15, 18, 23, 24, 28, 29, 30.

Nguyệt-trai là mỗi năm ăn ba tháng, như tháng: 1, 5, 9.

Trường-trai là ăn chay luôn luôn.

Xin-nhớ: Khi ăn chay, chỉ trừ các thứ thịt của loài sanh-vật (heo, bò, tôm, cá, ốc, hến vân vân) và ngũ vị tân là 5 món: hành, hẹ, tỏi, nếm, hưng-cừ, còn các vật ăn khác đều ăn được cả. Khi đau ốm thì được dùng các thứ thuốc do thân-thể các loài sanh-vật chế ra, chứ không cử.

2.) Phép niệm Phật

Người đã qui-y Phật, mỗi ngày nên giữ hai buổi niệm Phật, buổi mai khi mới dậy và buổi tối trước khi đi ngủ, mỗi lần niệm được chừng 100 tiếng « Nam-mô A-Di-Đà Phật ». Giữ được vậy thì tâm thường nhớ Phật, thường được yên tĩnh và bớt nỗi đau khổ.

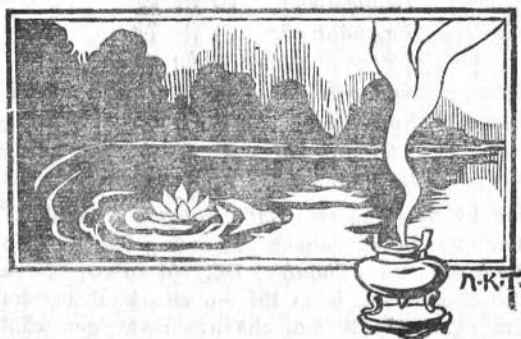
Nếu cả ngày, mỗi giờ niệm thêm được 10 tiếng, hoặc khi đi đứng nằm ngồi đều có niệm Phật thì lại càng mau có hiệu-quả hơn nữa.

Cách niệm Phật ăn chay dễ dàng và được nhiều lợi ích như thế, chị em là người biết suy xét, biết lo xa, biết chuông đều lành, biết tránh đều dữ, cũng nên thiết hạnh cho sớm, đừng tạo ra cái nhơn từ-bị, về sau được hưởng phước đời đời.

Phương chi chị em sẵn lòng thương chớng con em út lẽ đâu lại không thiết hạnh đạo đức để làm gương trong gia-đình và dắt lẫn nhau lên con đường giải-thoát.

Nam-mô A-Di-Đà Phật.

Tâm-Văn





DIỄN-ĐÀN

TỨ NIỆM XỨ

Bài giảng hôm rằm tháng mười (10 Novembre 1935)
tại Hội - Phật - Học chùa Từ - Quang Huế

Nam-mô A-Di-Đà Phật

Năm trước giảng về « Đạo-Đế » đã nói có 37 phép trợ
Bồ-Đề-phần là :

Tứ-niệm-xứ,	四念處
Tứ-chánh-căn,	四正勤
Tứ như ý túc,	四如意足
Ngũ căn,	五根
Ngũ lực,	五力
Thất-giác-chỉ,	七覺支
Bát-chánh-đạo,	八正道

Trong kỳ ấy giảng về « Bát-chánh-đạo » mà thôi ; song
Bát-chánh-đạo là lối tu-hành của những bậc đã kiến-đạo,
cốt yếu ở nơi chữ « Chánh ». Đối với sơ-cơ, nếu không
biết chỗ chơn-chánh là gì thì sao cho khỏi cái hại lấy
giả làm chơn, lấy tà làm chánh. Vì vậy nên cần phải
giảng về những phương-tiện ban đầu để cho những ai
muốn tu theo Thanh-văn-thừa theo từng bậc mà tu lần
lên, tu cho đến « Thất-giác-chỉ » rồi thì mới có thể tu
« Bát-chánh-đạo ».

37 phép trợ-Bồ-Đề-phần không thể giảng đủ trong một kỳ, vậy kỳ hôm nay tôi xin giảng riêng về « *Tứ-niệm-xứ* ».

Toàn-thể pháp-giới vẫn là như-như bình-đẳng, không tự, không tha, không năng không sở, lẽ ra không có chi đáng gọi là tâm-niệm, chỉ vì chúng ta mê lầm không rõ bản-tánh; phân-biệt nào tâm nào cảnh, nào ngã nào nhơn; nên chi thường thường khi-niệm chấp có ngã, chấp có pháp chấp cái thân này là mình, nhận hoàn-cảnh là khác với mình, rồi nương theo thân mà có già đau sống chết, nương theo cảnh mà có ưa ghét buồn sợ luân-hồi, đời đời kiếp kiếp trong ba cõi.

Tâm-niệm lầm-lạc đã làm cho chúng ta mê, chúng ta muốn hết mê phải làm thế nào?

Thưa các ngài, người đập gai thường lấy gai mà lè, vậy chúng ta nên lấy cái tâm-niệm không lầm lạc để dứt-trừ cái tâm-niệm lầm lạc, đến khi tâm-niệm không lầm-lạc nữa là ngộ.

Tâm-niệm không lầm lạc là chi? Đó là « *Tứ-niệm-xứ* ».

Tứ-niệm-xứ là phép tối-tiên của người tu hành, là bước ban đầu trên đường giải-thoát, đầu tiên-thừa hay đại-thừa cũng phải trải qua bước đường ấy cả.

Tứ-niệm-xứ là :

- | | |
|--------------------|-------|
| 1.) Thân bất tịnh, | 身 不 淨 |
| 2.) Thọ thị khổ, | 受 是 苦 |
| 3.) Tâm vô thường | 心 無 常 |
| 4.) Pháp vô ngã. | 法 無 我 |

1.) Thân bất tịnh là gì? Bất tịnh nghĩa là không sạch, là dơ nhớp. Thân bất tịnh nghĩa là cái thân này không chút gì tinh-sạch cả.

Người thế-gian ai cũng gìn-giữ cái thân, quý báu cả thân, dầu làm việc gì cũng là vì cái thân mà làm, cho đến vì cái thân mà hao tiền tốn của, mang tiếng chịu lời cũng không kể, miềng cho cái thân đáng sống.

Thế-gian quý-bỏ cái thân như vậy, nay nghe Phật nói : « *Thân bất tịnh* », sao cho khỏi nghi-học mà cho là quá đáng.

Song xét ra cho kỹ thì cái thân này nhờ phụ-tính mẫu-huyết mà thành, phụ-tính mẫu-huyết là vật dơ-nhớp, vậy cái thân này đã do những vật dơ-nhớp tạo-thành, thì làm sao mà tinh-sạch cho được. Lúc mới đầu thai, trạng-thái nhỏ-nhen như hột-trùng, lần lần sinh năm sinh bảy, lớn bằng hột đậu cho đến lớn bằng một miếng thịt, đầy những máu-me rất dơ-nhớp.

Về sau, nhờ sức-duy-trì của nghiệp-thức, lần lượt ra hình người nằm trong bọc nước, cái bọc nước đầy những mồ hôi nước tiểu. Cái thân nằm trong đó đủ chín tháng mười ngày rồi mới ra ngoài bụng mẹ theo một con đường rất dơ-nhớp, đầy những máu me, rồi nằm trên vũng máu bả miệng oe oe ba tiếng chào đời, thật không chút gì là tinh sạch cả. Đã sanh ra rồi, khi nhỏ nhờ bú sữa, lúc lớn nhờ ăn uống mà càng ngày càng lớn; nhưng lạ thật, như trong Tri-Độ-luận đã nói: «*Bản thị mỹ vị, nhơn chi sở thị, tức tích chi gian, biến thành bất tịnh*», 本是美味, 人之所嗜, 宿積之間, 變成不淨 nghĩa là: «*ban đầu là của ngon vật lạ, ai nấy đều thích mà ăn vào cách chừng một đêm đã biến thành đồ dơ-nhớp*»; cái thân này rõ là một bộ máy đề làm đồ dơ-nhớp. Mà dơ-nhớp thật: sớm mai mới ngủ dậy chưa súc miệng thì trong miệng đã hôi thúi, bốn năm ngày không tắm rửa thì áo quần đã tẩm mồ-bôi, đen điu rít rậm, lại còn nước mũi, ráy tai, lấm chuyen dơ-nhớp nữa. Đó là nói về bề ngoài về bề trong lại còn đề sợ hơn; chẳng nói chi máu me, xương thịt, chỉ trong một bộ lòng đã đầy những đồ hôi thúi chẳng khác gì một thùng phân vậy.

Đó là nói khi lành mạnh, chớ đến khi đau lại đề sợ hơn nữa; não đờm, não mũi, thúi tha tanh hôi, xiết bao là dơ-nhớp. Dơ-nhớp như vậy năm sáu chục năm đã đầu bạc mặt nhăn lưng còm răng rụng, không còn sức sữa soạn bề ngoài, nên càng dơ-nhớp hơn nữa. Đến khi chết, nghiệp thức không còn duy-trì để thay lớp mới đổi lớp cũ thì da thịt rã rời, đựng đầu rệu đấy, nếu không chôn cất thì không ai chịu nổi cái mùi hôi thúi ấy được.

Vậy thì biết cái thân này rõ là bất-tịnh.

Người đời không biết cái thân bất-tĩnh mà yêu quý cái thân cứng-đường cái thân, cái thân ra gì thì ra, cái thân ghét gì thì ghét, đến nỗi làm nô-lệ cho cái thân, gây nghiệp chịu báo đời đời kiếp kiếp mà không tự hối. Vì cái thân mà tham, sân, si, vì cái thân mà sát, đạo, dâm, vì cái thân mà vọng-ngôn ý-ngữ, ác-khẩu, lường-thiệt, trăm ngàn vạn điều-dữ, cũng đều vì cứng-đường cái thân này mà tạo-thành ra cả.

Vậy người tu hành cần phải quán sát cho rõ cái thân là bất-tĩnh thì mới tránh được những nghiệp dữ và tâm mình mới được vài phần tự-chủ.

2.) *Thọ-thị-khổ là gì?* Thọ là lãnh-thọ; thọ-thị-khổ nghĩa là có lãnh-thọ thì có khổ. Người ta sanh ra ở đời, từ nhỏ đến lớn, không lãnh-thọ đều này, tức lãnh-thọ đều khác vậy nói «thọ-thị-khổ» cũng không khác chi nói rằng: «đời người là khổ».

Hiện trong thế-giới này, người người đương đua nhau về vật-chất văn-minh, nào quyền lợi, nào danh-vọng, nào lầu đài kiêu mới, nào xe điện tàu bay, hàng-the lụa-là, đàn-ca xướng hát vân vân, những sự phô-diễn hằng ngày biế bao là êm tai vui mắt, thế mà tôi lại nói: «*Đời người là khổ*» chẳng là quá-đáng lắm sao? Thừa không, xin các ngài hãy bình tâm mà suy-nghiệm từ khi đầu-thai cho đến khi chết, trải biết bao là sự cay-đắng khổ-não. Khi ở trong thai khác gì ở trong ngục, có mắt mà không thấy, có tai mà không nghe, bà mẹ có ốm có nhọc thì đã đau-đớn khó chịu, tay chơi chưng đập, muốn ra cho khỏi, nhưng chết thì chịu chết, làm sao mà ra được. Đến khi mới đẻ, ở trong thai đã quen, bỗng-chốc ra ngoài, cảm xúc với cái hoàn-cảnh chưa từng quen chịu, nên sanh ra đau-khổ, mấy tiếng u-ôa khi mới lọt-lòng là tiêu-biểu của sự đau-đớn khi mới đẻ. Từ đấy dần đi, kể biết bao những cảnh bất-bình, như muốn tắm mà mẹ cứ cho bú, muốn bú mà mẹ cứ bắc tấm, khi muốn ngủ mà mẹ cứ bắt chơi, khi muốn chơi mà mẹ cứ bắt ngủ muốn nói thì chưa biết nói, mà lắm khi khóc đã hết hơi cũng chẳng ai biết làm cho vừa ý muốn.

Thế rồi lần lần khôn-lớn, hết đi học lại phải lo làm, làm để nuôi sống.

Lại khi lạnh khi nóng, khi đói khi khát là khổ. cái gì vừa hết sức cầu mà không được là khổ, ân-tình cách biệt là khổ, oán-cừu gặp gỡ là khổ, những thói quen mê-lắm muốn bỏ mà bỏ không nổi là khổ, nhưng đó chỉ là cái khổ vừa vừa, đến như mấy cái khổ sau này mới thiệt là khổ: Những cái khổ khi đau, khi già, khi chết.

Ở đời không chỉ khổ bằng đau ốm; cái khổ trong khi đau tới tưởng ai cũng đã kinh-nghiệm đến; mà đau nào phải một chứng đau, nào là thương-hàng sốt-rét, nào là thổ-lỵ ho lao, vân vân, già đau trẻ cũng đau, lớn đau nhỏ cũng đau, trăm ngàn vạn chứng đau kể sao cho xiết. Cái đau trùm khắp cả bầu trời mấy ai tránh khỏi.

Người mạnh-bạo gặp phải cơn đau mà trở thành yếu-ớt; nhà đương-giàu gặp phải cơn đau mà trở thành cực-khổ. vì đau mà học-hành thua-kém, vì đau công-danh lở làng, chưa nói đến khi bị tật-nguyên, nào dai nào diệt, nào què nào bại, nó đã làm cho lắm người hữu-dụng trở thành vô-dụng. Kịp đến khi già lại càng dễ đau hơn nữa, tóc bạc răng rụng, lưng mỗi gối dùng, tai lẫn mắt lòa, tinh-thần lẫn lộn, ăn không ngon, nằm không ngủ, trời trở trở theo trời, khổ sở kể sao cho xiết.

Nhưng khổ như vậy nào phải sống đời được đâu, chừng trong khoảng 100 năm là phải chết. Người đời ai chẳng muốn sống, khi thấy cái chết đến nơi không có sức chống lại thì khổ sở biết là ngần nào!

Cái khổ trong khi chết còn nhiều, khó bề kể xiết, mà cái khổ sau khi chết cũng không phải là hết đâu. Chúng ta hãy còn muốn sống, thì chết rồi lại sanh ra thân khác, rồi lại phải chịu đủ các sự khổ như khi trước.

Tôi nói như vậy chắc các ngài cho là bi-quan và nghĩ rằng trong đời cũng lắm trò vui, chưa chắc toàn là khổ hết. Tôi cũng tạm nhậ có cái vui như vậy, nhưng tôi thiết tưởng cái vui ấy chỉ làm nhơn cho cái khổ, chỉ là cái vui trong cảnh khổ đó thôi. Xét những cái vui của phần đông người ở đời thì không ngoài danh-lợi và ngu dục, song danh-lợi thì tôi thấy lắm người vì muốn có lợi có danh mà lo ngày

10 đêm, ăn không ngon, ngủ không ngủ, rồi không được thăng-thường hoặc bị lỗ-lỗ thì rục đầu rục óc, khổ sở không phải là ít.

Về ngủ-dục thì không ngoài sắc đẹp tiếng hay, mùi ngon vị lạ, cớ bạc rượu trà mà thôi. Nhưng rượu trà thì khổ về say-sưa, cớ bạc thì khổ về mất ăn mất ngủ, thiếu trước thiếu sau, vị lạ tiếng hay phải mất công tìm kiếm; còn vui về tình-ái thì khi gặp-gỡ thì vui, khi xa nhau thì nhớ thương buồn rầu, lại còn lắm đôi trai-gái, vì sự trắc-trở, muốn trọn chữ tình mà đành phải ném mình vào hang sâu vực thẳm, khổ sở kể sao cho xiết.

Cái vui ở đời không được mấy mà cái khổ đã đeo theo một bên, thiệt chẳng khác chi một bọn tù-tội, khi ra đường cũng đùa cũng bỡn, khi rảnh việc cũng rủ nhau đánh lú đánh bài; tuy trong khi ấy cũng vui cũng sướng, cũng reo cũng cười, nhưng rốt cuộc cái thân tù-tội vẫn khổ lai hoàn khổ.

Xét kỹ thì những sự vui ở đời thường sanh ra ba đều khổ là khổ-khổ, hành-khổ, và hoại-khổ.

Khổ-khổ là vì khổ mà khổ, như vì nhàm chán mà khổ vì sanh say-sưa, nghèo-cực, đau ốm mà khổ.

Hoại-khổ là vì hết đi mà khổ, ví như đương ưa xem hát bỗng hết giờ phải về là khổ.

Hành-khổ là vì vô-thường thay đổi mà khổ, ví như một đồ xưa quý báu bị bể đi mà sanh ra khổ.

Cuộc đời khổ như vậy nên trong kinh Niệt-Bàn Phật có dạy: « Tam giới giai vô-thường, chư hữu vô hữu lạc », nghĩa là tam giới đều vô-thường, trong các cõi không có cõi nào là vui cả. Phật thấy chúng sanh chìm đắm trong bể khổ rất đáng thương xót nên chỉ dạy cho chúng sanh biết cái nguyên-nhơn của sự khổ.

Nguyên-nhơn của sự khổ là chi? Chính là cái lãnh thọ vậy. Vì chúng ta lãnh thọ cái thân này là thân của chúng ta, lãnh-thọ cái này là đáng ưa là thuận-cảnh, cái kia là đáng ghét, là nghịch-cảnh nên mới hóa ra có khổ.

Ngày xưa có một thầy Bà-La-Môn, thấy học trò mình theo Phật, sanh lòng tức giận, muốn đem lý-luận mà biện-bác thì biện-bác không nổi nên trở ngọn thô-bỉ đến mắng nhiếc Phật giữa chúng-hội. Thầy Bà-La-Môn mắng nhiếc đả-lâu, thấy Phật vẫn vui vẻ yên lành không đáp lại một tiếng, thì càng tức giận, hỏi Phật rằng : « Tôi mắng nhiếc ông đả-lâu sao ông không nói lại ? »

Phật lại hỏi : « Khi ông tặng người ta một vật gì, người ta không nhận lãnh thì vật ấy về ai ? »

Thầy Bà-La-Môn đáp : « Về tôi chứ về ai ! »

Phật liền bảo rằng : « Hèn lâu ông mắng-nhiếc, nhưng tôi không lãnh-thọ thì cái mắng nhiếc đó trở về phần ông, cang chi tôi mà phải đáp lại ».

Thầy Bà-La-Môn nghe nói liền giác-ngộ, cúi đầu kính lạy và xin qui-y theo Phật.

Vậy thì biết cái không lãnh-thọ qui-hóa là dường nào. Nếu chúng ta tập cái tánh không lãnh-thọ thì sắc đẹp tiếng hay mùi ngon vị ngọt, danh-vọng quyền-lợi không thể lay động tâm chúng ta được. Đối với cảnh, tâm vẫn bình thường không thấy cái đáng ưa cũng không thấy cái đáng ghét, không thấy cái đáng mừng cũng không thấy cái đáng buồn, không có cái gì đáng gọi là vui, không có cái gì đáng gọi là khổ, thì mới chắc vui riêng theo đạo-lý, ra ngoài tất cả các món cảm-xúc.

3.) *Tâm vô-thường*. — Tâm vô-thường nghĩa là cái tướng của tự-tâm chúng ta là vô-thường thay đổi. Tướng của tự-tâm là chi ? Chính là cái phân-biệt rõ biết vậy. Người đời không biết thể chơn-như, nhận cái phân-biệt rõ biết là cái ta, rồi lầm nhận cái ta đó là thường còn không thay không đổi, như những ngoại-đạo chấp có thần-ngã hay có linh-hồn thường-trụ.

Thần-ngã là lối chấp của Sở-Luận-Sư. Họ chấp rằng cái thần-ngã của chúng-ta tự-tại trong sạch, vì phân biệt hiện ra cả vũ-trụ, rồi nương theo vũ-trụ sanh lòng ưa muốn nên bỏ

mất tánh tự-tại trong sạch. Vậy muốn cho thần-ngã được giải-thoát thì phải dứt cả các món phân biệt, dứt cho hết sạch không thấy không nghe không hay không biết nữa thì thần-ngã mới được tự-tại trong sạch như trước và mới nhận biết rằng vì mình mới sanh ra có vũ-trụ.

Họ cho như vậy là rất ráo mà không biết đó chỉ là ma-cảnh trong hành-ấm.

Còn linh-hồn là lối chấp của phần nhiều thần-giáo hiện thời, họ cho rằng duy cái xác thịt chết, chứ cái linh-hồn không chết. Cái linh-hồn kia cũng biết mình là ai, cũng thấy cũng nghe như xác thịt, duy có một điều là cái bình-chất của linh-hồn, còn mất thì không thấy được mà thôi.

Vì muốn đối-trị những vọng-chấp như kia, nên Phật phải dạy lý tâm-vô-thường, để cho chúng-sanh chúng biết cái tâm không phải là một vật chết đứng, vô-dụng, nó là pháp vô-thường có thể thay đổi đủ vánh đủ cách, tùy chỗ tu tập của mình mà biến-hóa.

Kinh Niết-Bàn có câu : « Tâm nhược thường dã, tắc bất ưng ngôn : ngã-vật tha-vật nhược sanh nhược tử. Tâm nhược thường dã, tuy hữu sở-tác, bất ưng tăng trưởng. Thiện nam tử ! dĩ thị nghĩa cố, đương tri tâm tánh các các sai biệt ; hữu biệt dị cố, đương tri vô-thường (心若常者, 則不應言 : 我物他物若生若死. 心若常者, 雖有所作, 不應增長. 善男子 ! 以是義故, 當知心性各各差別, 有別異故, 當知無常) nghĩa là : nếu tâm là thường thì không thể nói vật của mình hay vật của người là sống hay là chết ; nếu tâm là thường thì tuy có tu-hành cũng không tăng-trưởng được. Thiện nam tử, vì những nghĩa ấy nên biết rằng tâm tánh mỗi mỗi đều sai khác ; đã có sai khác thì biết là vô-thường » ; mà thiết vậy, nếu cái tâm là thường thì không thể nói có chết có sống ; nếu tâm là thường, thì người dốt cứ dốt, người vụng cứ vụng, người dữ cứ dữ, lúc để ra thế nào về sau cũng thế ấy, không thay đổi được ; nếu tâm là thường thì không có non-quả, tu cũng chừng ấy,

không tu cũng chừng ấy, đủ cũng chừng ấy mà lành cũng chừng ấy, cho đến người có học, người không học cũng như nhau, người có kinh-nghiệm, người không kinh-nghiệm cũng như nhau, thiệt không nghĩa lý gì cả.

Hiện nay chúng ta thì không phải thế, cái tâm chúng ta khi nhỏ khác, khi lớn khác, khi có học khác, khi chưa học khác, khi vui khi buồn, khi thương khi ghét, khi chuyên-niệm về một chỗ, khi tán loạn ra các trần duyên, không có chỉ đáng gọi là thường cả.

Chúng sanh không biết cái tâm là vô-thường nên lầm nhận thiệt có cái ta, rồi nương theo đó mà sanh ra biết bao nhiêu là vọng-tưởng. Tất cả phiền-não từ tham, sân, si cho đến hăm, cuốn, kiêu, hại, cũng đều do ngã-chấp tạo-thành ra cả. Lại cũng vì chấp tâm là thường nên chỉ chỉ cũng cho là bản tánh của mình, tánh tôi hay nóng giận, tánh tôi hay tham lam, tánh tôi ưa đờn ca xướng hát, tánh tôi ưa có bạc rượu chè mà không chịu nâng cao tâm-trí theo con đường chơn-chánh.

Vậy chúng ta hằng ngày thường phải quán xét cái tâm là vô-thường, đổi cái tâm mê lầm ra cái tâm giác - ngộ, đừng phá trừ ngã-chấp và ra khỏi luân-hồi sanh tử.

4.) *Pháp vô-ngã*. — Pháp, theo tiếng Phạm là Dharma, nghĩa là quĩ-trí, tức là nhiệm-trí-tự-tánh, quĩ-sanh-vật-giải. Ví như cây mai, nó nắm giữ tự-tánh cây mai, không phải cây đào cây lý, nên gọi là nhiệm-trí-tự-tánh; nó lại có tánh cách của nó, cây thế nào, lá thế nào, bông thế nào, đủ làm khuôn phép để cho ai thấy có thể biết là cây mai, thì gọi là quĩ-sanh-vật-giải. Cái gì có nhiệm-trí-tự-tánh, quĩ-sanh-vật-giải thì gọi là pháp. Nghĩa chữ pháp rộng lớn mình - mông, chẳng những các vật hữu-hình, cho đến các vật vô-hình, các tâm-vương, tâm sở, các pháp thế-gian, các pháp xuất-thế-gian cũng đều gọi là pháp cả.

Cu-Xá luận chia các pháp ra 75 món là :

Sắc pháp (色 法) 11

Tâm pháp (心 法) 1

Tâm-sở-pháp (心 所 法) 46

Bất tương ưng hạnh pháp 14

Vô vi pháp

3

Sắc-pháp, tâm-pháp, tâm-sở-pháp có chỗ đã nói rõ rồi, tuy đại-thừa với tiểu-thừa có khác nhau một ít, nhưng cũng có nhiều chỗ đồng nhau lắm.

Bất tương-ưng-hạnh pháp là những hạnh không tương-ưng với tâm do phần vị đối đãi của tâm-pháp, và sắc-pháp giả-dối thi-thiết tuy không thể nói là tâm-pháp, sắc-pháp, nhưng cũng không ngoài tâm-pháp, sắc-pháp được.

Bất-tương-ưng-hạnh pháp nói lược thì có 14 môn, mà nói rộng ra thì có 24 môn là :

Đắc

Vô tướng định

Diệt tận định

Vô tướng thiên

Mạng căn

Chủng đồng phậu

Sanh

Lão

Trụ

Vô thường

Danh thân

Cú thân

Văn thân

Dị sanh tánh

Lưu chuyển

Định dị

Tương ưng

Thứ đệ

Thế tộc

Thời

Phương

Số

Hòa hiệp

Bất hòa hiệp

得無想定
滅盡天
命根
眾同分
生老住
常身
無名身
異身性
文身
異生
流轉
定異
相應
次第
世族
時
方
和
不合

Các pháp khác về loài ấy cũng đều thuộc về bất-tương-ưng-hạnh-pháp cả.

Nói về vô-vị-pháp thì đối với tiền-thừa duy có ba món là:

- 1.) Hư không vô vị 虛空無爲
- 2.) Phi trạch diệt vô vị 非擇滅無爲
- 3.) Trạch diệt vô vị 擇滅無爲

Do đối-trị cái chấp có ngoại-sắc mà lập *hư-không vô-vị*; do đối-trị cái chấp thật có sanh-diệt mà lập *phi-trạch-diệt vô-vị*; do đối-trị các pháp hữu-lậu mà lập *trạch-diệt-vô-vị*.

Trong 75 pháp ấy, đã gồm đủ tất cả các pháp.

Còn ngã nghĩa là chủ thể, là riêng có tự-tướng của mình ra ngoài tất cả các pháp khác. Trong thế-gian thường chấp tất cả các pháp đều có tự-tướng. Đối với thân tâm mình, chấp có tự-tướng đã đành, mà đối với người khác vật khác cũng đều chấp rằng thật có tự-tướng: Thế-giới có tự-tướng của thế-giới, quốc-gia có tự-tướng của quốc-gia, xã-hội có tự-tướng của xã-hội, đoàn-thể có tự-tướng của đoàn-thể nên đeo đuổi theo hoàn-cảnh, buộc chặt theo hoàn-cảnh mà không khi nào được giải-thoát.

Đã chấp có tự-tướng của mình, tất-nhiên có tự-tướng của người khác; đối với tự-tướng của một vật, hề về mình thì không về kẻ khác, mà về kẻ khác thì không về mình, nên hai bên thường xông-xé nhau, xung đột nhau, bên nào cũng muốn cho cái tự-tướng của mình được phần hơn cả.

Thế rồi bên nào được thì sanh ra kiêu-căng e-sợ, bên nào mất thì sanh ra oán-hận lo-buồn, lửa phiền-não càng thêm, nghiệp oan-gia càng nặng, lần lần bành-trướng ra cả đoàn-thể, cả quốc-gia, cả xã-hội, mặc dầu xương chắt như núi, máu chảy thành sông mà nào có biết cái nguyên-nhơn của những điều kia là vì chấp có tự-tướng.

Song xét cho kỹ thì các pháp nào phải thật có tự-tướng đâu; nói về lục-trần thì sắc đối với không, động đối với tĩnh, hữu-vị, hữu-xúc, hữu-hương đối với vô-vị, vô-xúc, vô-hương, sanh đối với diệt, nào có cái gì riêng một mình thật có tự-tướng.

Trần đối với căn mà có hình-tượng, căn đối với trần mà có tác-dụng, ngoài trần thì không có căn, ngoài căn thì không có trần, vậy thì biết tất cả sắc-pháp đều căn đầu trần đều không có tự-tướng cả. Còn nói về tâm-pháp, tâm-sở-pháp, thì tâm là năng-tri, ngoài sở-tri ra, năng-tri lấy gì làm tự-tướng. Lại vui đối với buồn, lành đối với dữ, giận đối với thương, ưa đối với ghét vân vân, các tâm sở riêng một mình cũng không thể lấy gì làm tự-tướng.

Còn nói về bất-tương-ưng-hạnh-pháp thì xét cho kỹ ngoài sắc-pháp, tâm-pháp ra, còn cái gì đáng gọi là bất-tương-ưng-hạnh-pháp: Do trong chỗ nối nhau không xen hở, thấy có nơi sai khác mà gọi là *dắc*, do ly các tướng-tượng mà gọi là *vô-tướng*, do diệt các tâm-pháp có gián đoạn và một phần tâm-pháp tương-tục mà gọi là *diệt-tận-dịnh*, do sanh vào một cõi, đã diệt hiện-hạnh của các tâm-sở cố gián đoạn mà gọi là *vô-tướng-thiên*, do nghiệp trước thành thực, dẫn đến thọ sanh một chỗ nào mà gọi là *mạng-căn*, do các loài hữu tình có tánh giống nhau mà gọi là *chúng-dồng-phận*, do cái mẹ làm vô-thỉ làm cho luân hồi kiếp này kiếp khác mà gọi là *dị-sanh-tánh*, do nhơn-duyên hòa hiệp pháp khởi mà gọi là *sanh*, do trước sau thay đổi khác nhau mà gọi là *lão*, do tiếp-tục không gián-đoạn mà gọi là *trụ*, do gián-đoạn hư-nát mà gọi là *vô-thường*, do giả dối kiến-lập những tên đề kêu gọi các pháp mà gọi là *danh-thân*, do nhóm gộp các danh, pho bày ý-nghĩa mà gọi là *cú-thân*, do muốn phát hiện danh-thân cú-thân nơi sắc-trần, phải giả dối đặt ra chữ, gọi là *văn thân*, do nhơn-quả nối nhau không dứt mà gọi là *lưu-chuyển*, do cái này đối với cái khác không đồng nhau mà gọi là *định-dị*, do căn xưng với nhau mà gọi là *tương-ưng*, do các môn lưu-chuyển có kíp có chầy mà gọi là *thể-tộc*, do trong lối lưu-chuyển, lớp này đến lớp khác mà gọi là *thứ-đệ*, do trong các thứ thứ-đệ lập ra có trước có sau mà có *thời*, do các sắc-pháp đối đãi với

nhau chia ra từng ngăn mà có *phương*, do đối với một pháp, nói tóm các pháp đồng loại mà lập ra có *số*, do *nhơn-duyên* tụ hội mà lập ra *hóa-hiệp*, do *nhơn-duyên* chia rẽ mà lập ra *bất-hóa-hiệp*.

Các *bất-tương-ưng-hạnh-pháp* như vậy đều là giả pháp nên không có *tự-tướng*.

Còn các pháp *vô-vi* là đối với các pháp *hữu-vi* mà có, ngoài các pháp *hữu-vi* ra, không còn gì đáng gọi là *vô-vi*, nên các pháp *vô-vi* riêng một mình cũng không có *tự-tướng*.

Trong kinh Lăng-Nghiêm Phật có dạy : « *Nhơn-duyên hóa-hiệp, hư vọng hữu sanh, nhơn-duyên biệt ly, hư vọng danh diệt* 因緣和合，虛妄有生，因緣別離，虛妄名滅 nghĩa là các *nhơn duyên* nhóm *hiệp* thì giả dối có sanh ra, các *nhơn duyên* chia rẽ thì giả dối gọi rằng chết », vậy thì biết tất cả các pháp đều *nhân duyên* với nhau mà in tưởng là có, chứ không có *tự-tướng* ; không có *tự-tướng* tức là *vô-ngã*.

Ví như trong giấc chiêm-bao vì *nhơn-duyên* chiêm-bao hiện ra thân này cảnh khác, đương khi ấy người chiêm-bao cũng lầm nhận là *thiệt có* ; đến khi tỉnh dậy mới biết nó chỉ là cảnh - giới giả dối trong chiêm-bao. Chúng ta cũng vậy, chúng ta vì mê lầm không nhận được chỗ *chơn thật* nên trong khi *tâm duyên* với cảnh, cảnh *duyên* với tâm, hiện ra vạn pháp giữa *vũ-trụ*, chúng ta cũng tưởng là *thiệt có* đó thôi ; *thiệt* ra, các pháp đều không có *tự tướng*, đều là *vô-ngã*.

Chúng sanh không biết lý pháp-vô-ngã nên ngoài bị *hoàn-cảnh* khích-thích, trong bị *phiền-não* lay-động, tuy muốn *tự-tại* mà chưa hề lúc nào được *tự-tại*, muốn *an vui* mà chưa hề lúc nào được *an vui*, muốn *thanh-tĩnh* mà *thường* chan chứa những *phiền-não*, muốn *thường-trụ* mà vẫn phải trôi lững trong vòng *sanh tử*.

Nếu chúng sanh chứng được pháp vô-ngã rồi thì một thể vô-ngã trùm khắp cả pháp giới, cảnh cũng vô-ngã thân cũng vô-ngã, phiền não cũng vô ngã, tâm thức cũng vô-ngã, còn cái chi đâu nữa mà làm cho ưa ghét vui buồn, còn ai đâu nữa mà chịu luân hồi sanh tử.

Pháp vô-ngã là lối tu giải thoát rất rốt ráo, nếu ai ai cũng biết tu hạnh vô-ngã một đôi phần thì đâu còn những lối ích kỷ hại nhơn, mà cảnh-tượng thế-giới hòa bình, về sau mới có ngày thực hiện.

. . .

Trong bài hôm nay tôi đã giảng rõ vì sao mà biết rằng thân-bất-lịnh, thọ-thị-khổ, tâm-vô-thường, pháp-vô-ngã, sau này tôi xin giảng riêng về lối tu tập đặng chứng bốn pháp ấy.

Phật-Học cao-đẳng học-sanh
Thích-chánh-Thống



ĐẠI Y KINH THỦ-LĂNG-NGHIÊM

Phật nương nơi Kiến-tỉnh chỉ rõ Như-Lai-Tạng (Chơn-tâm)

(Tiếp theo)

Tánh thân là nhứt chơn tuyệt đãi, ra ngoài các nghĩa: «thị và phi thị»

Song trong đại-chúng, những bậc sơ-học nghe Phật ấn chứng cái nghĩa «không có vật gì là cái thấy và không có vật gì là phi cái thấy», thấy đều ngơ ngẩn, chẳng biết Phật nói pháp gì. Đó là vì trong đại-chúng bích-nhật thường nghe Phật dạy pháp tiểu-thừa, cái chi phi thị Phật nói là phi, cái chi thị thì Phật nói là thị, không bao giờ nói phân hai như các thuyết «cũng có cũng không, cũng sanh cũng diệt» của bọn ngoại-đạo; ngày nay nghe Phật phát-minh đến nghĩa «không có thị và phi thị» in tuồng như lối nói phân hai của ngoại-đạo nên nghi hoặc lắm.

Ngài Văn-Thù Bồ-Tát thấy trong đại-chúng không hiểu lý chơn-như tuyệt-dãi của Phật vừa dạy, nên động lòng thương xót, xin Phật khai-thị cho trong đại-chúng biết hai món «năng kiến và sở-kiến» nguyên là vật gì mà ở trong ấy lại không có các nghĩa thị và phi thị.

Chừng ấy Phật mới chỉ rõ năng-kiến với sở-kiến, cho đến năng-tướng sở-tướng, đều là như-huyễn, đều do tự-tâm biến hiện, không có sai khác, nên không thể có các nghĩa «thị và phi thị» được.

Cũng như một ông Văn-Thù, nếu chỉ cái gì thiệt là Văn-Thù thì hóa ra nhiều ông Văn-Thù, mà hiện ông Văn-Thù ở đó thì không thể nói là không có Văn-Thù. Tự-tâm của chúng sanh bản-lai trùm khắp mười phương, bao hàm các pháp, dầu tâm-pháp hay sắc-pháp, chỉ vì không tự-giác

nên làm chia ra có năng có sở, có sắc-không, có tánh thấy mà thôi. Nếu ở nơi sắc-không, chỉ một vật gì là cái thấy, thì các vật khác lại hóa không phải là cái thấy, hoặc hóa ra nhiều cái thấy; còn nếu chỉ một vật gì là phi cái thấy, thì ngoài cái thấy ra, thiết không còn gì đáng gọi là sắc-không nữa cả. Vì đó nên không thể chỉ cái gì là « thị-kiến », hay cái gì là « phi-kiến ».

Cũng ví như một mặt trăng, vì dụi con mắt mà thấy làm hai, tuy thấy in tường là hai, mà thiết ra là một nên không thể chỉ cái nào thiết là mặt trăng và cái nào là phi mặt trăng cả.

Hiện nay tánh thấy của chúng ta trùm khắp cả pháp-giới, nếu chúng ta chỉ cái gì là tánh thấy thì trái với tánh trùm khắp của nó, nếu chúng ta chỉ cái gì là phi cái thấy cũng trái với tánh trùm khắp của nó, nên quyết định không thể có vật gì là thị hay là phi - thị. Song tâm chúng ta còn vọng-tưởng thì cảnh-giới vọng-tưởng vẫn hiển hiện, nơi cảnh-giới vọng-tưởng đó, chúng ta có thể chỉ cái này là thân, cái này là nhà, cái này là cây, cái này là đá; đến như tánh thấy của chúng ta, cái tánh thấy diệu-minh ra ngoài các sự phân biệt, nó là chỗ biểu-lộ của chơn-tâm, trùm khắp mười phương, không thân không sở, không năng không sở, thì chỉ có thể tự chứng, chứ quyết không thể chỉ bày, vì đã có chỉ bày tức là có năng-chỉ sở-chỉ, mà đã có năng-chỉ sở-chỉ thì quyết định không phải là tánh diệu-minh vậy.

VIÊN-ÂM

(Còn nữa)



經
首楞嚴經
(續)

阿難白佛言：世尊，誠如法王所說，覺緣徧十方界，湛然常住，性非生滅，與先梵志娑毘迦羅所談冥諦，及投灰等諸外道種，說有真我，徧滿十方，有何差別？

世尊亦曾於楞伽山爲大慧等敷演斯義，彼外道等常說自然，我說因緣，非彼境界，我今觀此覺性，自然，非生非滅，遠離一切虛妄顛倒，似非因緣，與彼自然，云何開示不入群邪，獲真實心妙覺明性？

佛告阿難：我今如是開示方便，真實告汝，汝猶未悟，惑爲自然。阿難，若必自然，自須甄明有自然體！

汝且觀此妙明見中，以何爲自？此見爲復，以明爲自，以暗爲自，以空爲自，以塞爲自？阿難，若明爲自，應不見暗；若復以空爲自體者，應不見塞；如見乃至諸暗等相，以爲自者，則於明時，見性斷滅，云何見明？

阿難言：(必此妙見性非自然，我今發明是因緣生，心猶未明，咨詢如來，是義云何合因緣性？)

佛言：(汝言因緣，吾復問汝：汝今因見見性現前，此見爲復因明有見，因暗有見，因空有見，因塞有見？阿難，若因明有，應不見暗；如因暗有，應不見明；如是乃至因空，因塞，同於明暗，復次阿難，此見又復緣明有見，緣暗有見，緣空有見，緣塞有見？阿難，若緣空有，應不見塞；若緣塞有，應不見空；如是乃至緣明，緣暗，同於空塞。

當知如是精覺妙明，非因，非緣，亦非自然，非不自然，無非，不非，無是非，離一切相，卽一切法。

汝今去何於中措心，以諸世間戲論名相而得分別？如以手掌撮摩虛空，祇益自勞，虛空云何隨汝執捉？)

(未完)

KINH DIỄN ÂM

THỦ-LĂNG-NGHIÊM KINH (Suragama)

(TUC)

 A-Nan bạch Phật ngôn : « Thễ-tôn, thành như Pháp-vương sở thuyết giác duyên biến thập-phương giới, trạm nhiên thường trụ, tánh phi sanh diệt; dữ Tiên-phạm-Chi Ta-tỳ-Ca-La sở đàm minh đế, cập đầu-khởi đẳng chư ngoại-đạo chủng thuyết hữu chơn ngã, biến mãn thập phương; hữu hà sai biệt ? »

Thễ-tôn diệt tăng ư Lăng-già sơn vi Đại-Huệ đẳng phu diễn tư nghĩa : bỉ ngoại-đạo đẳng thường thuyết tự nhiên, ngã thuyết nhưn duyên, phi bỉ cảnh giới; ngã kim quán thử giác tánh tự nhiên, phi sanh phi diệt, viễn ly nhứt thể hư vọng điên-đảo tợ phi nhưn duyên dữ bỉ tự nhiên; vân hà khai thị bất nhập quần tà, hoạch chơn thiết tâm diệu giác minh tánh ? »

Phát cáo A-Nan : « Ngã kim như thị khai thị phương tiện, chơn thiết các như; như do vị ngộ, hoặc vi tự nhiên. A-Nan, nhược tất tự nhiên, tự tu chơn minh hữu sư nhiên thể ! »

Nhữ thử quán thử diệu minh kiến trung, dĩ hà vi tự ? Thử kiến vi phục dĩ minh vi tự, dĩ ám vi tự, dĩ không vi tự, dĩ tắc vi tự ? A-Nan, nhược minh vi tự, ưng bất kiến ám; nhược phục dĩ không vi tự thễ giả, ưng bất kiến tắc; như thị nai chí chư ám đẳng tướng, dĩ vi tự giả, tắc ư minh thời, kiến tánh đoạn diệt, vân hà kiến minh ? »

A-Nan ngôn : « Tất thử diệu kiến, tánh phi tự nhiên; ngã kim phát minh thị nhưn duyên sanh, tâm do vị minh, tự tuán như lai, thị nghĩa vân hà hợp nhưn duyên tánh ? »

Phật ngôn : « Nhữ ngôn nhơn duyên, ngộ phục vấn nhữ : nhữ kim nhơn kiến, kiến tánh hiện tiền, thử kiến vi phục nhơn minh hữu kiến, nhơn ám hữu kiến, nhơn không hữu kiến, nhơn tắc hữu kiến ? A-Nan, nhược nhơn minh hữu, ưng bất kiến ám ; như nhơn ám hữu, ưng bất kiến minh ; như thị nãi chi nhơn không nhơn tắc đồng ư minh ám ; Phục thử A-Nan thử kiến hựu phục duyên minh hữu kiến, duyên ám hữu kiến, duyên không hữu kiến, duyên tắc hữu kiến ? A-Nan, nhược duyên không hữu, ưng bất kiến tắc ; nhược duyên tắc hữu, ưng bất kiến không, như thị nãi chi, duyên minh, duyên ám, đồng ư không tắc.

Đương tri như thị tinh giác diệu minh, phi nhơn, phi duyên diệt phi tự nhiên, phi bất tự nhiên, vô phi bất phi, vô thị phi thị, ly nhứt thể tướng, tức nhứt thể pháp.

Nhữ kim vân hà ư trung thổ tâm, dĩ chư thể gian hi luận danh tướng nhi đắc phân biệt ! như dĩ thủ chương toát ma hù không chỉ ích tự lao, hù không vân hà tùy nhữ chấp tróc ! »

(Vị-hoàn)



Kinh Diễn Nghĩa

KINH THỦ-LĂNG-GHIÊM (Suramgama)

(Tiếp theo)

Ông A-Nan bạch Phật rằng : « Thưa Thế-Tôn thật như lời Pháp - vương : dạy giác-lánh-duyên khắp mười phương thế-giới, lắng vậy thường-trụ (1), tánh chẳng sanh diệt; thì giác-lánh kia cùng với minh-đế (2) của vị Phạm-Chi xưa tên là Ta-tỳ-ca-la đã nói và cái chơn-ngã cùng khắp mười phương của bọn ngoại-đạo như bọn Đầu-khôi thấy, có sai khác nhau không ?

Đức Thế-Tôn nơi núi Lăng-già cũng đã từng vì bọn ông Đại-Huệ Bồ-Tát giảng dạy cái nghĩa như vậy : bọn ngoại-đạo kia thường nói tự-nhiên (3), tôi nói nhơn-duyên (4), không phải cảnh giới bọn kia.

Song tôi nay quán cái giác-lánh ấy nó tự-nhiên chẳng sanh chẳng diệt, cách xa hết thấy các lối điên-đảo luồn-dối, in tưởng không phải nhơn-duyên và cũng không phải cái

(1) *Lắng vậy thường-trụ*. — là thường vẫn rỗng suốt như vậy không thay không đổi.

(2) *Minh-đế*. — là cái nguyên-thỉ lơ mờ, như cái hỗn-dộn trong đạo Nho. Phạm-chi Ta-Tỳ-Ca-La chấp rằng ban đầu chỉ một cái lù mù không thành hình tướng gì, gọi là Minh-đế.

(3) *Tự-nhiên*. — nghĩa là tự nó là vậy.

(4) *Nhơn-duyên*. — Nhơn là nguyên-nhơn, như bởi có A mới sanh ra có B, thì A là nhơn B là quả ; A là nhơn của B và B nhơn nơi A mà xuất-hiện vậy.

Duyên là phan-duyên, như B vin theo A, nương theo A mà hóa sanh thì gọi là B duyên với A, hoặc ở ở duyên của A mà hóa sanh vậy.

tự nhiên của ngoại đạo kia, xin Phật khai-thị thể nào để cho chúng tôi khỏi mắc các tà kiến, đặng tâm-tánh diệu-giác-minh chơn-thiệt.»

Phật bảo ông A-Nan : « Tôi nay phương-tiện khai-thị, chơn-thiệt bảo ông như vậy, mà ông còn chưa ngộ, làm là tự nhiên. Này ông A-Nan, như ông chắc cái đó là tự nhiên thì tự ông phải phân tĩa, chỉ rõ cái thể tự nhiên của nó.

Ông hãy xét nơi cái thấy diệu-minh kia, thử nó lấy gì làm tự. Cái thấy đó lại là lấy cái sáng làm tự, lấy cái tối làm tự, lấy cái trống không làm tự, hay lấy cái ngăn bịt làm tự. Ông A-Nan, như nó lấy cái sáng làm tự thì lẽ không thể thấy tối ; như nó lại lấy cái hư-không làm tự-thể của nó thì lẽ nó không thể thấy những vật ngăn bịt. Như vậy cho đến như lấy cái tướng tối làm tự thì đến khi sáng, tánh thấy lẽ phải dứt mất, làm sao lại còn thấy sáng ? »

Ông A Nan bạch Phật rằng : « chắc cái diệu-kiến ấy, tánh chẳng phải tự nhiên, tôi nay đã phát-minh cái đó là vi nhơn duyên mà sanh, nhưng tâm tôi còn chưa minh bạch, xin hỏi đức Như-Lai, cái nghĩa đó làm sao lại hiệp được với tánh nhơn-duyên ? »

Phật dạy : « Ông đã nói nhơn-duyên, tôi lại hỏi ông : Ông nay vì nhơn mà thấy, tánh thấy hiện tiền đây, vậy cái thấy đó lại là nhơn nơi sáng mà thấy, nhơn nơi tối mà thấy, nhơn nơi trống không mà thấy, nhơn nơi ngăn bịt mà thấy. Này ông A-Nan, nếu như nhơn cái sáng mà có thấy thì lẽ không thể thấy tối, như nhơn cái tối mà có thấy thì lẽ không thể thấy sáng, như vậy cho đến nhơn cái trống không, nhơn vật ngăn bịt cũng không hiệp lý như nhơn cái sáng hay cái tối. Lại nữa, ông A-Nan, cái thấy đó lại là nương cái sáng mà có thấy, nương cái tối mà có thấy, nương cái trống không mà có thấy, hay nương vật ngăn bịt mà có thấy. Này ông A-Nan, nếu nương cái trống không mà có thấy, thì lẽ không thể thấy các vật ngăn bịt. Nếu nương các vật ngăn-bịt mà có thấy, thì lẽ

không thể thấy cái trống không, cho đến nương cái sáng nương cái tối, cũng không hiệp lý như nương cái hư không hay nương vật ngăn-bị. Ông nên biết cái tỉnh-giác-diệu-minh (5) như vậy là phi-nhơn, phi-duyên, cũng phi tự-nhiên, cũng phi chẳng tự nhiên, không có cái phi với bất phi, không có cái thị với phi thị, ly hết thấy tướng, tức hết thấy pháp, làm sao ngày nay ông lại manh tâm trong ấy, dùng những danh-tướng hý-luận (6) của thế-gian mà phân biệt được, thế cũng như ông lấy bàn tay sờ nắm hư-không, chỉ thêm nhọc công, chớ khi nào hư-không chịu để cho ông nắm bắt »

(còn nữa)

VIÊN-ẨM

(5) *Tánh giác diệu-minh*. — là cái tánh diệu-minh của bản-giác, thường biến-lộ ra nơi lục-căn.

(6) *Hý-luận*. — lời luận trò chơi, không xác thiết.



LUẬN HỌC

Tứ phần 肆分

Các nhà duy-thức đối với một thức thường chia ra từng phần để chỉ rõ hành-tướng:

Ngài An-Huệ duy lập có một phần là *Tự-thể phần*; ngài Nan-Đà thì lập ra hai phần là *Kiến-phần* và *Tướng-phần*; ngài Trần-Na thì lập ra ba phần là *Kiến-phần*, *tướng-phần* và *Tự-chứng-phần*; đến ngài Hộ-Pháp mới lập ra đủ bốn phần là *Kiến-phần*, *Tướng-phần*, *Tự-chứng-phần* và *Chứng-tự-chứng-phần*.

Ngài An-Huệ nương theo nghĩa « các cảnh đều do thức biến » nên chỉ lập một phần.

Ngài Nan-Đà vì « trong chỗ duy-thức biến, tuy năng-biến, sở-biến không rời nhau, nhưng năng-biến, sở-biến cũng không phải là không khác nhau, » nên lập ra hai phần.

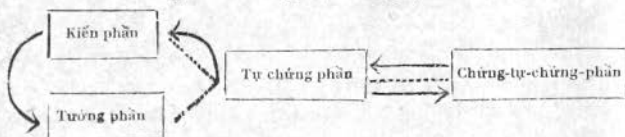
Ngài Trần-Na cho rằng lập hai phần *Kiến* và *Tướng* là chưa đủ, vì rằng « *kiến-phần* và *tướng-phần* là dung, mà dung tất phải nương nơi thể, » nên lập ra một phần thứ ba là *Tự-chứng-phần*.

Ngài Hộ-Pháp, vì cái lẽ « *Tự-chứng-phần* không thể tự mình chứng được tự-thể của mình, » nên lập ra một phần thứ tư là *chứng-tự-chứng-phần*.

Vì như nhân-thức, cảnh của nhân-thức là *tướng-phần*, cái thấy được cảnh kia là *kiến phần*. *Kiến-phần*, *tướng-phần* đều do *tự-chứng-phần* biến hiện, mà cái phần chứng biết được tự-thể là *chứng-tự-chứng-phần*.

Kiến-phần duyên với *tướng phần*, *tự chứng-phần* duyên với *kiến-phần*; còn *tự-chứng-phần* với *chứng-tự-chứng-phần* thì thường duyên với nhau, không khi nào rời nhau

cả. Ví như lấy tay sờ bụng thì tay là kiến-phần, bụng là tương-phần, thân-thể là tự-chứng-phần, còn cái tánh rõ biết thân-thể như vậy là chứng-tự-chứng-phần.



Lại kiến-phần cũng như cái sáng của gương, tương-phần cũng như cái bóng trong gương, tự-chứng-phần cũng như mặt gương, mà chứng-tự-chứng-phần cũng như cái khuôn gương vậy.

Mỗi tâm-vương, mỗi tâm-sở đều có 4 phần. Kiến-phần và tương-phần là tướng bề ngoài, tự-chứng-phần và chứng-tự-chứng-phần là tánh bề trong. Kiến-phần duyên với tương-phần, có khi là hiện-lượng mà cũng có khi là phi-lượng. Đến như tự-chứng-phần và chứng-tự-chứng-phần duyên với nhau, hay tự-chứng-phần duyên với kiến-phần thì chỉ là hiện-lượng mà thôi.

Thân và cảnh của chúng ta hiện bây giờ đây chỉ là tương-phần của 6 món thức trước, ngoài các thức ra, không còn một vật gì, một sự gì nữa cả.

VIÊN-ÂM





八 識 規 矩 頌

BÁT-THỨC QUI-CỦ TỤNG

(Lời tụng bát-thức qui-củ)

唐 三 藏 法 師 玄 奘 造

Đường Tam-Tạng Pháp-Sư Huyền-Trang Tạo

(Thời nhà Đường, ngài Tam-tạng Pháp-sư
tên là Huyền-Trang tạo ra bài tụng này).

Giải-g nghĩa . — Ngài Huyền-Trang Pháp-sư sau khi dịch các kinh luận về Duy thức-tôn, lại tạo ra Duy-thức luận ý nghĩa sâu xa, người sơ-học khó bề hiểu thấu. Học trò của ngài là Khuy-Cơ Pháp-sư mong sự lợi-ích được phổ-thông, mới xin ngài toát-yếu Duy-thức-luận lại thành ra bài tụng cho dễ nhớ. Tụng này có bốn chương, mỗi chương có 12 câu, chỉ bày hành-tướng của tám món thức, đầu đề là *Bát-thức qui-củ*.

Qui-củ là những đồ nghề của thợ mộc, *qui* để đo cho thiết tròn, *củ* để đo cho thiết vuông; nếu không có *qui* có *củ*, thì thợ mộc cũng khó bề làm cho đúng được.

Bài tụng này giảng về Bát-thức, chỉ rõ hành-tướng của mỗi mỗi thức rõ ràng thiết thiết như cái *qui*, cái *củ* đối với hình tròn hình vuông, nên gọi là *Bát-thức qui-củ Tụng*.

Lại thợ mộc tuy đóng bàn ghế nhiều kiểu khác nhau nhưng cũng không ngoài *qui củ*; kinh luận về bát-thức tuy nhiều, nhưng ý nghĩa cũng không ngoài bài tụng này, nên gọi là *Bát-thức qui-củ tụng*.

Lại nữa, hình tròn hình vuông không thể rời *qui-củ* muôn sự muôn vật không thể rời tám món thức, lấy *qui-củ* mà ví dụ với tám món thức, nên gọi là *Bát-thức qui-củ tụng*.

前五識頌

TIỀN NGŨ THỨC TỤNG

(Lời tụng về 5 môn thức trước là nhãn, nhĩ, tỉ, thiệt, thân)

性境現量通三性

Tánh cảnh, hiện lượng, thông tam tánh

(Cảnh là tánh cảnh, lượng là hiện-lượng, thông cả ba tánh: thiện, ác và vô-ký).

Giải thích. — Cảnh của năm môn thức trước, y như Duy-thức-tánh biến hiện, nên gọi là tánh-cảnh. Cảnh đó là thiệt-cảnh, song vì đã chia ra từng phần: sắc, thanh, hương, vị, xúc, nên gọi là hữu-chất-tánh-cảnh.

Lượng có ba môn là: hiện-lượng, tỉ-lượng, phi-lượng. Ngũ-thức không so đo lớn nhỏ, dài ngắn, không đặt tên cái này cái khác, chỉ duyên với thiệt-cảnh, nên gọi là hiện-lượng.

Tam-tánh đây là: thiện, ác và vô-ký; vì ngũ-thức theo nghiệp mà phát-khởi, có thể giúp ý-thức tạo nghiệp nên thông cả ba tánh.

眼耳身三二地居

Nhãn nhĩ thân tam nhị địa cư

(Ở nhị địa thì chỉ có ba môn thức: nhãn, nhĩ, thân mà thôi)

Giải thích. — Câu này giảng cho biết địa-giới của ngũ-thức vậy.

Trong tam-giới: dục-giới, sắc-giới, vô-sắc-giới, chia ra làm cửu địa.

1.) « Dục-giới ngũ thú tạp cư địa, » gồm cả Dục-giới-thiên, nhơn-loại, súc-sanh, ngạ-quỉ, địa-ngục (tu-la có nhiều hạng; có hạng thuộc về Thiên, có hạng thuộc về Quỉ, có hạng thuộc về Súc, nên không kể riêng). Dục-giới này có ăn uống, có ngủ nghỉ, có dâm-dục, nên có đủ năm thức.

2*) *Sắc giới sơ-thuyền ly sanh hỷ lạc địa*. — Địa này tuy có sắc-thân nhưng không dâm-dục, lại không có đoạn-thực (ăn đồ ăn vào bụng và tiêu-hóa) như dục-giới nên thiết-thức và tỉ-thức không phát-khởi.

3*) *Nhị-thuyền định sanh hỷ lạc địa*

4*) *Tam thuyền ly hỷ diệu lạc địa*

5*) *Tứ-thuyền xả niệm thanh-tịnh địa*

6*) *Vô-sắc-giới không vô-biên-xứ-địa*

7*) *Thức vô-biên-xứ-địa*

8*) *Vô-sở-hữu-xứ-địa*

9*) *Phi-tưởng phi-phi-tưởng-xứ-địa*

Bảy địa sau này chỉ duyên với định-cảnh bề trong, nên 5 thức không phát-khởi.

徧行別境善十一中二大八貪瞋癡
**Biến hành biệt cảnh thiện thập nhứt, trung
nhị đại bát tham, sân, si**

(Có 5 tâm-sở biến-hành, 5 tâm-sở biệt-cảnh, 11 thiện-tâm-sở. 2 trung-tùy-phiền-não, 8 đại-tùy-phiền-não và trong 6 món căn-bồn phiền-não thì chỉ có ba món là tham, sân, si).

Giải-g nghĩa. — Đây là những tâm-sở có thể tương-ưng với ngũ thức: 5 biến-hành tâm-sở là thức, tác-ý, thọ, tưởng, tư; 5 biệt-cảnh tâm-sở là Dục, thắng-giải, niệm, định, huệ; 11 món thiện-tâm-sở là Tín, tâm, quý, vô-tham, vô-sân, vô-si, tinh-tấn, khinh-an, bất-phóng-dật, hạnh-xả, bất-hại; 2 món trung-tùy-phiền-não là vô-tâm vô-quĩ; 8 đại-tùy-phiền-não là Hôn-trầm, trào-cử, bất-tín, giải-đãi, phóng-dật, thất-niệm, tán-loạn, bất-chánh-trị, và tham, sân, si là ba món căn-bồn phiền-não, vì 5 thức trước không lanh lợi, không thô-phù như ý thức nên không tương-ưng với các món phiền-não khác.

五 識 同 依 淨 色 根

Ngũ thức đồng y tịnh-sắc-căn

(Năm thức đồng nương tịnh-sắc-căn)

Giải-g nghĩa. — Năm thức là nhãn, nhĩ, tỉ, thiệt, thân-thức đồng nương theo năm căn là nhãn-căn, nhĩ-căn, tỉ-căn, thiệt-căn và thân-căn. Căn có hai thứ là phủ-trần-căn và thắng-nghĩa-căn.

Phù-trần-căn tức là con mắt thịt, lỗ tai thịt, vân vân.

Thắng-ngiã-căn là chỉ cái thấy, cái nghe, vân vân.

Thắng-ngiã-căn, thể không phải ô-nhiễm, nên cũng gọi là tịnh-sắc-căn. Năm món thức tùy theo căn mà lập danh, đối với căn có nhiều quan-hệ;

1) Y nghĩa là thức nương nơi căn, căn nương nơi thức,

2) Phát nghĩa là do căn phát ra có thức, do thức phát ra có căn

3) Thuộc nghĩa là thức thuộc về căn, căn thuộc về thức.

4) Trợ nghĩa là căn giúp cho căn, căn giúp cho thức.

5) Như nghĩa là thức y nài căn, căn y thức.

Nói tóm lại cái công-năng hiển hiện ra ngũ-trần thì gọi là căn, cái công-năng liễu-biệt được ngũ-trần thì gọi là thức, tuy căn với thức không rời nhau, mà căn là vô-phú vô ký, còn thức thì tùy theo nghiệp cũng có nhiễm, có tịnh.

九 緣 七 八 好 相 鄰

CỬU DUYÊN, THẤT, BÁT, HẢO TƯƠNG LÂN

(Chín duyên, hoặc 7 duyên, 8 duyên, khéo lân cận cùng nhau)

Giảng nghĩa. — Câu này chỉ về các duyên sanh ra 5 món thức; vì như nhân-thức phải có chín duyên mới phát sanh, là:

1) Không, chỉ về hư không.

2) Minh chỉ về ánh-sáng,

3) Căn chỉ về nhãn-căn

4) Cảnh chỉ về hiện cảnh,

5) Tác-ý chỉ về tác-ý tâm-sở,

6) Phân-biệt-y chỉ về đệ-lục-thức.

7) Nhiễm-tịnh-y chỉ về đệ-thất-thức,

8) Căn-bản-y chỉ về đệ-bát-thức

9) Chứng-tử-duyen chỉ về chứng-tử của nhân-thức (về

chứng-tử, đến đệ bát-thức sẽ giảng rõ).

Trong 9 món duyên ấy, chứng-tử là nhơn-duyen, cảnh là sở-duyen-duyen, còn các món khác là tăng-thương duyên, còn dần lực của tư-chứng đẳng-vô-gián-duyen.

Nhĩ-thức chỉ có 8 duyên, vì không cần có duyên của ánh sáng.

Tì, thiết, thân-thức chỉ có 7 duyên, vì không cần có duyên của ánh sáng và hư-không.

Nói 9 duyên, 8 duyên, hay 7 duyên, là không nói đến đẳng vô-gián-duyên, nếu thêm đẳng-vô-gián-duyên thì phải kể là 10, là 9, là 8.

Vì các thức đều là hữu-vi-pháp nên phải nhờ nhờ duyên mà sanh, nếu thiếu một duyên thì không thể phát-sanh được.

合三離二觀塵世

Hiệp tam ly nhị quan trần thế

(Ba món thì ở trong hiệp, hai món thì ở trong ly mà soi trần thế).

Giảng nghĩa. — Nhân-thức và nhĩ-thức thời ly với cảnh mà biết cảnh; tĩ, thiết, thân-thức thì hiệp với cảnh mà biết cảnh. Soi biết các tướng trong trần-thế đều do 5 thức ấy cả.

愚者難分識與根

Ngu-giả nan phân thức dữ căn

(Hàng ngu pháp Thanh-Văn khó chia thức và căn)

Giảng nghĩa. — Các bậc nhị-thừa cho là căn với thức sanh ra nhau, vì không rõ căn có chủng-tử của căn, thức có chủng-tử của thức; lạc cũng vì chưa rõ đệ-bát-thức không nhận được tánh vô-phú vô-ký của căn, nên lầm cho là căn cũng như thức. Thiết ra căn có phần căn, thức có phần thức; căn đối với thức, thức đối với căn, chỉ là Tăng-thượng-duyên mà thôi.

變相觀空唯後得

Biến tướng quán không duy hậu đắc

(Quán không mà có biến-đổi-tướng-phần chỉ là hậu-đắc-trí)

Giảng nghĩa. — Năm thức này khi phát-khởi đã biến ra tướng-phần của mình, phải đeo theo tướng-phần của mình mà phát-khởi, nên gọi là biến-đổi. Vì 5 thức phải nương theo sắc-căn mà phát-khởi, nên đầu đem quán-trí mà trực-nhận được hiện lượng, đem huệ-nhãn mà trực nhận được chơn-không cũng chỉ là hậu-đắc-trí mà thôi, chớ không phải căn-bản-trí. Hậu-đắc-trí là

sai-biệt-tri, vì có pháp-biệt nên không duyên thâu chơn như, đó là nói về lỗi ta lập các vị đại-Bồ-tát. Đến như các vị sơ-phát-tâm chính nơi duy-thức-tướng mà quán duy-thức-tánh, thì đầu duy-thức-tánh hiện tiền đi nữa, cũng chỉ là cái sở-đắc sau khi tu quán, chớ chưa thiết an-trụ nơi duy-thức-tánh.

真 詮 自 猶 中 果

Quả trung do tự bất thuyên chơn

(Chính trong quả vị còn tự chẳng gọi là chơn)

Giải nghĩa. — Câu này chỉ rõ chẳng những trong Nhơn-địa mà ở trong quả-địa, ngũ-thức cũng không thể thân-duyên chơn-như, vì ngũ-thức duyên với hữu-chất tánh-cảnh chớ không thể duyên với vô-chất-tánh-cảnh. Các vị Bồ-Tát sau khi dặng căn-bản-tri thân-duyên chơn-như rồi, mới tùy duyên hiện thân hiện cảnh, để hóa-độ chúng sanh. Trong kinh hóa-độ chúng sanh, tuy căn-bản-tri không lúc nào không duyên chơn-như, mà 5 thức thì chỉ duyên với hữu-chất-tánh-cảnh mà thôi, dầu cho đến quả Phật cũng vậy. Đó là vì 5 thức nương theo sắc-căn mà phát-khởi nên có phân-biệt, có so-sánh, không thể duyên với vô-phân-biệt-lý, chỉ tương-ưng với sai-biệt-tri mà thôi.

漏 無 成 發 初 明 圓

Viên-minh sơ phát thành vô-lậu

輪 苦 息 身 分 類 三

Tam loại phân thân tức khổ luân

(Viên-minh vừa phát thì thành vô-lậu; phân thân ba cách dựng đứng nghĩ bánh xe khổ não của chúng sanh).

Giải nghĩa. — Hai câu này chỉ về năm món thức nơi quả Phật. Đến vị Phật, đệ-bát-thức thành yêm-ma-la-thức, các tâm-sở của đệ-bát-thức thành đại-viên-cảnh-tri. Khi đại-viên-cảnh-tri vừa hiện hiện thì năm thức trước đều thành vô-lậu cả. Năm thức trước đã thành vô-lậu thì liền tương-ưng với thành-sở-tác-tri, hiện ra đại-hóa-thân, tiền-hóa-thân và tùy-loại hóa-thân mà hóa-độ tất cả chúng sanh ra khỏi các sự khổ-não.

(còn nữa)

VIÊN-ÂM

Ban Pháp-sự về lễ Phật-đản cùng các ngài hội viên

Nghi-lễ buổi sớm mai ngày mồng 8 tháng tư (28 mai 1936), ban Pháp-sự đã sắp đặt như sau đây, xin các ngài coi theo đó mà tụng niệm cho hiệp nghi-liết.

1.) *Chuong trống Bắc-nhỏ, pháo.*

Niêm-hương.

2.) Tăng-Già và hội-viên lễ-tự trước bàn Phật, lay ba lay rồi ngồi bán-già.

3.) *Tán hương;*

Lư hương sạ nhiệt

Pháp-giới mông huân

Chư Phật hải hội tất diêu văn

Tùy xú kiết tường văn

Thành ý phương ân

Chư Phật hiện toàn thân

Nam-mô hương văn cái Bồ-Tát Ma-ha-lát (3 lần)

4.) *Cúng dường :*

Tụng: Cúng dường Thanh tịnh Pháp-thân Ti-Lư-Già-na Phật, viên-mãn báo-thân Lô-Xá-Na Phật, thiên bách ức hóa-thân Thích-Ca Mâu-Ni Phật. Đương lai hạ sanh Di-Lặc tôn Phật. Cực-lạc thế-giới A-Di-Đà Phật. Thập phương tam thế nhứt thế chư Phật. Đại-trí Văn-Thù Sư-Lý Bồ-Tát. Đại-Hạnh Phổ-Hiền Bồ-Tát, Đại Bi Quán-Thế-Âm Bồ-Tát. Chư tôn Bồ-Tát Ma-ha-tát. Ma ha bác-nhả ba-la-mật. Tam đức lục vị cúng Phật cập Tăng, Pháp-giới hữu tình phổ đồng cúng dường.

Tụng: Nam-mô Tác Phạ Đát tha, Nga Đa phạ Lô Chi Đế. Ân tam bạc ra tam bạc ra hồng (3 lần)

Nam-mô tô rô bà gia đất tha nga đa gia, đất diệt tha,
ân tô rô tô rô, bạc ra tô rô, bạc ra tô rô, ta bà ha (3 lần).
Ân nga nga nằng tam bà phạ, phạt tư ra hồng (3 lần).

5.) *Tán :*

Ngã kim phụng hiến cam lô vị
Lượng dâng tu đi vô quá thượng
Sắc hương mỹ vị biến hư không
Duy nguyện từ bi ai nập thọ
Nam-mô Thuyền-Duyệt-tạng Bồ-Tát (3 lần)

Niệm : Nam-mô Bồn-Sư Thích-Ca Mâu-Ni Phật (30 lần)

Nam-mô Văn-Thù Sư-Lý Bồ-Tát (5 lần)

Nam-mô Đại-Hạnh Phổ-Hiền Bồ-Tát (5 lần)

Nam-mô Linh-Sơn Hội-thượng Phật Bồ-Tát (5 lần)

6.) *Tụng một biểu Tâm kinh.*

7.) *Tụng ;*

Nhứt giả lễ kính chư Phật
Nhị giả xưng tán Như-Lai
Tam giả quán tu cùng dường
Tứ giả sám-hối nghiệp chướng
Ngũ giả tùy hỷ công đức
Lục giả thỉnh chuyển Pháp-luân
Thất giả thỉnh Phật trụ thế
Bát giả thường tùy Phật-học
Cửu giả hằng thuận chúng sanh
Thập giả phổ giai hồi hướng

8.) *Sám : Tam tự qui.*

9.) *Đứng dậy : Niệm : Nhứt tâm đánh lễ thập phương
thường trụ Tam-bảo (3 lạy)*

Nhứt tâm đánh lễ Bồn-Sư Thích-Ca Mâu-Ni Phật
(3 lạy)

Nhứt tâm đánh lễ :

Đại-trí Văn-Thù Sư-Lý Bồ-Tát

Đại-hạnh Phổ-Hiền Bồ-Tát

Linh-sơn hội-thượng Phật Bồ-Tát (3 lạy)

10.) *Tụng : Nguyện dĩ thủ công đức, phổ cập ư nhứt
thế, ngã đẳng dĩ chúng sanh, giai cộng thành Phật-đạo.*

(Bái ba bái và ra)

Chương trình lễ Khánh-Đàn đức Phật Thích-Ca trong ngày mồng 7, mồng 8 tháng tư (27, 28 Mai 1936)

NGÀY MỒNG BẢY

19h30 Lễ Niêm Hương.

Lễ Rước. — Hành trình : Diệu-Đế đi, Quai Gia Hội Cầu Gia Hội, Đường Paul Bert đi đường trong, lên đến Thương-Bạc củ, trở lại cũng đi đường Paul Bert đường ngoài, Quai Đông Ba, Rue de l'Ecole, Rue Gia Long, Cầu Gia Hội, Rue Gia Hội, Rue Trung Bộ về Diệu Đế.

Lễ An-Vị. — Đốt pháo.

NGÀY MỒNG TÁM

(Buổi mai)

- 6h Lễ Phật. — Các thầy và Hội viên làm lễ
7h30 Cụ Chánh Hội trưởng giảng: Sự tích Đức Phật Thích Ca giảng sinh,
8h30 Tụng Kinh.
9h30 Thuyết Pháp: Ngài Hòa - Thượng Thập Thập Chứng Minh Đại Đạo sư giảng về vấn đề: Vì nhơn duyên gì mà Đức Thích Ca ra đời.
12h Lễ cúng ngọc. Trong Lễ ấy một ngài Chứng-Minh Đại-Đạo-Sư làm lễ Qui-y cho thập phương thiện tín.
(Các chùa ở Huế đều nổi chuông trống bát nhã)

(Buổi chiều)

- 14h30 Thuyết Pháp ông Ưng Dự giảng về Tam-quí, Ngũ-Giới
15h30 Tụng Kinh.
16h30 Sa-di-Ni Tâm-Nguyệt giảng về vấn đề: Phương Pháp tu hành thích hợp với Phụ nữ
20h30 Phóng sinh, Phóng đăng, Chấn Tế (giữa sông Diệu Đế)
21h Cúng nghinh các vị Danh-dự Hội-trưởng
21h10 Trường Đại Học và Trung Học làm lễ

21h30 50 Điện trường Tiểu học làm lễ tán tụng công Đức Phật
 22h 100 Đồng nam đồng nữ hát các bài ca tụng công đức Phật
 22h30 Đốt pháo cây.

Nên chú ý

Ngày mồng tám, từ sáu giờ sáng đến năm giờ chiều xin mời các thiện tín đến hành hương.

Còn đêm mồng tám, chỉ đề riêng cho Hội viên và các nhà đã chung lo tổ chức Lễ Phật đản, đến dự lễ, có đeo dấu hiệu riêng của Hội tặng.

Thiện-Nam tín-nữ ai phát tâm muốn qui y, thời xin cho Hội biết trước ngày mồng một tháng tư, để sắp đặc sớ điệp cho kịp lễ trưa mồng tam.

BÁC - NHÀ - ÂM

TẠP-CHÍ



Cơ quan phổ thông đạo-đức
 của Hội-Liên-Hữu Thiên-Thai
 Thiền - Giáo Tông, Baria ; mỗi
 tháng xuất bản ngày 15.

Do M. ĐỖ-PHƯỚC-TÂM
 tự

Minh-Chánh, chủ-nhiệm

Tòa-Soạn tại chùa Thiên-
 Bửu, làng Hắt Lang, Baria

Vậy xin chúc mừng bạn đồng-
 nghiệp và giới-thiệu cùng đọc-giả.

NHỮNG KINH SÁCH PHẬT ĐẲNG XEM

Bồn san xin giới-thiệu cùng chư độc-giả những sách Phật của ông Đoàn-trung-Còn là một nhà có công tham-cứu về Phật-pháp. Sách của ông đã ra được nhiều cuốn, xem ra cũng giúp ích cho các nhà học Phật rất nhiều.

Những sách đã xuất bản :

1) *Tăng-đồ nhà Phật.* — Phân ra làm hai quyển, biên các giới tướng của kẻ tại-gia và xuất-gia.

Giá hai quyển 0\$90

2) *Các tông phái đạo Phật* — Bộ này biên các tông phái tức là các học-thuyết về triết-học và đạo-đức trong nền Phật-giáo.

Giá. 0\$50

3) *Lịch - sử nhà Phật.* —

Giá. 0\$70

4) *Pháp - giáo nhà Phật.* — Xem bộ sách này các ngài sẽ rõ lý luân-hồi và các phép tu.

Giá. 0\$70

5) *Đạo lý nhà Phật.* — Bộ này luận về đạo Phật, có thể đi cặp với bộ Pháp-giáo nhà Phật.

Giá. 0\$50

6) *Văn minh nhà Phật.* — Bộ này biên về tích thầy Huyền-Trang đi thỉnh Kinh, học đạo bên Ấn-độ.

Giá. 0\$70

Quý vị muốn thỉnh mấy thứ Kinh sách này, hãy viết thư đến Monsieur Đoàn-Trung-Còn 143, Rue Louvain, Saigon.

CAO-MIÊN PHẬT GIÁO-HỘI

LẬP NGUYỄN

Của ban Trị-sự nhận chức năm Bính Tí 1936

NAM MÔ A DI ĐÀ PHẬT

Nghĩ vì công ơn *Cha Mẹ* sanh dưỡng, dầu cho thân này tan da nát thịt, cũng chưa trả đặng ơn kia, lại mong ơn *Trời Đất* chở che, **NHỆT-NGUYỆT** soi sáng, nợ nước ơn *Vua*, công **THẦY** dạy bảo, cả thấy ơn sâu không cùng báo đáp.

Nay đệ-tử lãnh phần trách nhiệm chức-việc trong Hội Phật-Giáo Cao-Miên, đệ-tử nguyện *Qui Y Phật*, xin nương theo ánh Từ-bi Hỷ-xã của *Phật*, xóa lỗi cho người có lỗi, dùng các phương-tiện giúp người cho được phần lợi lạc.

Đệ-tử nguyện *Qui Y Pháp*, xin nói theo Giáo-Pháp nhà *Phật* giữ qui-giới, rửa sạch thân-tâm, bỏ lòng kiêu ngạo, bỏ lòng biến nhác, bỏ lòng gian-tham, bỏ lòng quỷ-đối, bỏ lòng khắc-bạc, bỏ lòng ganh-ghét, bỏ lòng khen-chê, bỏ lòng danh-lợi, bỏ lòng dâm-dục, bỏ lòng tửu-sắc, bỏ lòng tài-khí, bỏ lòng cống-kiêu, bỏ lòng cố-chấp.

Đệ-tử nguyện *Qui Y Tăng*, xin tôn kính các bậc đại-đức sư-Tăng tinh nghiêm giới hạnh làm thầy, và cầu nguyện cho từ này về sau *Đức-Phật* bố hóa cho chư Giáo-đồ và thiện tín, cải tà qui chánh, một lòng trung-tin vì *Đạo*, chung lo Phật-Sự; theo Điều-lệ *Qui-Tắc*, chẳng đặng riêng tây, đặng diu-dắt nhau đến bờ *Bỉ-Ngan* hầu trước đền đáp Năm ơn, sau cho tin tiến đường hoằng pháp.

Một lòng thành-thật, nguyện *Đức-Phật* chứng tri.

NAM MÔ A DI ĐÀ PHẬT

Nam Mô Bồn Sư Thích-Ca Mâu-Ni Phật
TRƯỞNG NGUỒN BÍNH TÍ, 6 FÉVRIER 1936.

PHƯƠNG DANH NHỮNG ĐỘC GIÁ VIÊN-ÂM TRƯ TIỀN NĂM THỨ HAI

Vinh		Bac lieu	
M ^{ss} Hòe	2\$00	M.M. Đường đại Quí	2\$00
Sư Cụ chùa Diệc	2.00	Huỳnh văn Phẩm	2.00
Quảng-Trị		Le Mons	2.00
M. Lê-thiện-Dzụ	2.00	Rạch-giá	
Tourane		M.M. Nguyễn-thế-Điệu	1.00
M.M. Nguyễn-văn-Vĩ	2.00	Soctrang	
Trần-duy-Minh	2.00	M. Lê-văn-Chuyên	1.00
Huỳnh-Kỷ	2.00	Song-Xuyên	
Lê-Hoàng	1.00	M.M. Võ-văn-Đại	2.00
Tam-Kỳ		Từ-biểu-Đề	2.00
M.M. Xả-Đức	2.00	Giáo-thọ Nguyễn-Huệ-Chơn	2.00
Dương-lấn-Phùng	2.00	Trần-văn-Cung	2.00
Quảng-ngãi		Châu-đốc	
Ngài Tăng-cang chùa Thiên-Ấn	2.00	M.M. Nguyễn-văn-Phó	2.00
Nhatrang		(Huê pháp chùa Long-khánh)	
Nguyễn-công-Chánh	2.00	Nguyễn-Bích	4.00
Sông-Cầu		(chùa Linh Sơn)	
M. Nguyễn-dinh-Le	2.00	Nguyễn-văn-Pháp	2.00
Ngài Hòa Phước chùa Thiên-Long	2.00	(chùa Phi Lai)	
Dalat		Bùi-văn-Ấn	2.00
M. Nguyễn-thoại-Chi	1.00	Huỳnh-văn-Điệp	2.00
Saigon		Phạm Lư	2.00
M.M. Trần-ngọc-Báu	2.00	Sadec	
Nguyễn-văn-Miết	1.10	M. Đào thái Hào	1.00
(lần thứ hai)		Travinh	
Cholon		M.M. Trần-văn-Giác	2.00
M.M. Phạm-văn-Ba	1.00	Huỳnh-kim-Thịnh	1.00
Lại-văn-Giáo	2.00	Lê-thanh-Tông	2.00
M ^{ss} Lâm-thị-Lài	2.00	Mỹ-tho	
Bến tre		M.M. Hồ-thanh-Vân	2.00
M.M. Huệ-Chí	2.00	Huỳnh-văn-Điền	2.00
Khánh-Sơn	2.00	Hàtiên	
Vĩnh-long		M ^{ss} Nguyễn-thị-Huê	2.00
M.M. Hà-thế-Xương	1.10	Tânan	
Lê-Yêm	2.00	M. Lê-văn-Huê dit Lê-hoàng-Ấn	1.00
Pháp-thân Yết-ma chùa Ấn-Thạnh	2.00	Ô-môn	
Lê-dinh-Hiền	1.00	M. Lý-kim-Định	2.00
(trả lần thứ hai)		Hanoi	
Nguyễn-văn-Phụng	2.00	M. Nguyễn-đức-Ứng	2.00

Vũ-đỗ-Thụy	2.00	Preyveang (cambodge)	
Nguyễn-văn-Minh	2.00	M.Đỗ-văn-Phát	2.00
Nguyễn-hữu-Kha	6 00	Takeo (cambodge)	
Nam-dịnh		M.Trương-văn-Lỗi	2.00
Phạm-huy-Quang	2.00	Khône (Laos)	
Kiến-An		M.M. Lê-đình-Cung	2.00
M.M. Phạm-thủy-Ngân	2.00	Nguyễn-văn-Quý	2.00
Nguyễn-vũ-Mẫn	1.00		

PHỎ CẢO



Tại chùa Linh-Sơn ở Saigon, đường Douaumont, số 149, là Hội-quán của Hội Nam-Kỳ Nghiên-Cứu Phật-Học, có chứa những kinh sách Phật như dưới đây, để cho thỉnh mà xem tụng:

- 1° — Tập-cái «Tứ-Bi-Ấm», dịch dịch kinh Phật, mỗi tháng xuất bản hai kỳ, mỗi năm 24 quyển, giá, 4\$00
- 2° — Kinh-Di-Đà, Hồng-Danh và Vu-Lan, có chú Hán, và diễn nghĩa và sự lý (thứ lớn), giá, 0.39
- 3° — Kinh-Di-Đà, Hồng-Danh, Vu-Lan và Phổ-môn diễn nghĩa và có nghi-thức niệm Phật (thứ nhỏ), 0.13
- 4° — Tâm-Kinh giải nghĩa, giá, 0.26
- 5° — Tịnh-Độ-Tôn (quyển nhút) giá, 0\$25 và (quyển nhì) 0\$25
- 6° — Gương Nhơn-quả (quyển nhút) giá, 0.26
- 7° — Tiền-thân Phật-Thích-Ca (quyển nhút), 0.26
- 8° Biện minh cái vấn-đề «Tuyên cử Đức Giáo-Tông, 2 vị Phó, 22 vị Tăng-thông và 44 vị Kiểm-tàng đề gồm cái tăng-giới».

(Sách này được 46 trương, cho thỉnh không tốn tiền, nhưng phải gởi 3 chiêm tiền).

Thơ và mandat gởi thỉnh kinh ấy, xin đề như dưới đây.

Monsieur Nguyễn-văn-Nhơn

Chùa Linh-Sơn, 149, đường Douaumont, Saigon.

DỰ' CÁO KỲ SAU



Quyết-nghị về bài « *Thích-nghị về
vấn-đề cái hôn* » của TỬ-BI-ÂM,

Vì sao chúng ta phải tu

và nên giữ ngũ-giới.

Vân vân

PHỔ - CÁO

Có nhiều độc-giả hỏi mua Viên-Âm từ số 1, nhưng vì nguyệt-san ra đã gần hai năm, những số còn lại không đủ, nhất là số 3 và 4.

Vậy chúng tôi xin phép còn số nào thì gởi số ấy, khi nào tái bản sẽ gởi thêm cho đủ.

Xin các ngài vui lòng.

Còn ngài nào có dư hai số ấy, hoặc không cần dùng đến, xin gởi về cho chúng tôi, chúng tôi xin gởi nguyệt san mới khác đổi lại.

XIN CHÚ Ý

Xin các ngài cứ đếm từ số 13 đến số 24 là một năm (đừng kể tháng).

VIÊN-ÂM

MỘT SỔ : 0\$20

MỘT NĂM : 2\$00

VIÊN-ÂM

(LA VOIX PARFAITE)

Nguyệt san của Hội Phật-Học — Huế

TÒA-SOẠN :

5, Rue Champeau — Huế

Chủ nhiệm : LÊ-ĐÌNH-THẨM, Médecin Indochinois

Boite postale N° 73 — Huế

PHẬT-HỌC THIỀN-ĐÀM

Ông Tế Nam Liên Khốt đã tái bản quyển « Phật học Thiền đàm », quyển ấy, tòa soạn chúng tôi đã duyệt ý và nhận việc lưu thông.

Vậy ngài nào muốn thỉnh « Phật học Thiền đàm » xin cứ gửi thư cho Tòa soạn Viên Âm, boite postale n° 73 Huế.

Giá Phật-học Thiền-dàm mỗi quyển 0\$05

10 quyển 0\$40

VIÊN-ÂM